

CHIẾN THẮNG VŨNG-RÔ (x)

Xin nhắc lại những dòng Quân Sử
Thật lấy lòng “**Chiến Thắng Vũng-Rô**”
Đề Người Lính trên bước đường viễn xứ
Vẫn tự hào “Chiến sĩ diệt Cộng nô”!

-o-

Nếu bạn đi trên Quốc lộ Số Một
Qua Khánh-Hoà, đến dãy Trường-Son
Gặp đèo cao nhất Nước, là Đèo-Cả
Hùng vĩ quanh năm, gió hú mây vờn
Nhìn xuống chân Đèo... Tu-Bông, Vạn-Giã
Xa xa Đại-Lãnh, xóm lá dân nghèo
Đến một vùng, vách đá cheo leo
Eo biển “Vũng-Rô” hoang vu nằm giữa
(*hình A*)

Thấp thoáng sườn non, vài tiều phu chặt nứa
Dăm ba dân chài, ngoài bãi biển giăng câu
Ai ngờ ... nơi đây là bí mật “bến tàu”
Cộng sản Bắc Việt chuyên chở vũ khí
Tiếp tế ngầm, cho bọn Cộng phỉ miền Nam

Ngày 16 tháng 2 năm 1965

Trung úy Bowers lái trực thăng dọc bờ
duyên hải (1)

Thấy một tàu khả nghi tại bãi Vũng-Rô
Liên báo Cố vấn trưởng MACV, Thiếu
tá Rodgers (2)

Cùng Hải Quân Thiếu tá Hồ-Văn-Kỳ-
Thoại (3)

Tư lệnh Vùng 2 Duyên hải, tại Nha-Trang
Lập tức, phi cơ thám thính phái tới
hiện trường

Quan sát thấy, sườn núi nhiều địch quân
ẩn nấp

Cuộc Hành quân quy mô liền được triệu tập
Phối hợp đủ thành phần: Hải Lục

Không quân

Khu trục AD-1 Skyraider cấp tốc thực
hiện phi tuần

Oanh kích phủ đầu, nhận chìm tàu biển địch

Thiếu tá Thoại chỉ huy cuộc Hành quân
xung kích (*hình: B*)

Quân số tham chiến rất hạn chế trong tay
Chiến trường nơi đây, sườn núi, rừng cây
Địch chiếm cao điểm, nhiều hang sâu
ẩn trốn

Lực lượng cơ hữu của ta, có Duyên
đoàn 24

Và Liên đoàn Người Nhái, quen hoạt
động biển hồ

Được Hộ tống Hạm Tụy-Động (HQ-04)
chờ tới Vũng-Rô

Gặp chiến địa núi rừng, vẫn xông pha
dũng cảm

Đơn vị tiên kích, làm Cộng quân
khiếp đảm

Là Lực lượng Đặc Biệt, do Trung úy
Từ-Vấn chỉ huy (4)

Được trực thăng vận bốc đến Đại-Lãnh
cấp kỳ

Lên Hải Vận hạm Tiên-Giang HQ.405
vào trận

Cuộc chiến diễn ra đã vô cùng gay cấn
Trung đoàn Cộng trên cao, xạ kích

điên cuồng
Đợt xung phong đầu, hai chiến sĩ ta
tử thương
Hạm đội : HQ-405, HQ-04 và Chi-Lăng
II.HQ-8
Nã đại bác, liên hồi vào khu rừng
rậm rạp
Khoá miệng sơn pháo , hỡi tội quân thù
Thung lũng hoang vu, khói lửa mịt mù
Thêm hỏa lực không quân, dội long
trời lở đất
Lực lượng Đặc biệt nương theo địa
hình địa vật
Bung vào trận địa, cận chiến với
Cộng nô
Tình báo cho hay: bọn địch ở Vũng-Rô
1 Trung đoàn, thuộc Quân đoàn 5 Công sản
Nhiệm vụ tử thủ nơi đây giữ kho súng đạn
Từ Bắc chở vào cất giấu trong hang.

Những Chiến sĩ can trường “Lực Lượng
Đặc Biệt”
Suốt 3 ngày quần thảo với lũ sài lang
Đến chiều 19 tháng 2 (1965), quân ta
toàn thắng
Chiến lợi phẩm: Gồm 1 kho vũ khí
hạng nặng
Đại bác 57 ly, 2 Đại liên, 1000 trung liên,
1 hang chứa vũ khí cá nhân còn mới nguyên
Gồm 2000 Mauser, 150 Tiểu liên
Trung cộng,
300 Carbin và Tiểu liên Tiệp Khắc
Trên 1 triệu đạn súng cá nhân cùng đại bác
1 kho mìn cùng chất nổ hiệu Nga xô.
(*hình: C*)
Ta đã xóa sổ gọn một Trung đoàn Cộng nô

Thắng lợi hành quân, được ghi nhận
quá ư to tát
Đại Tướng Nguyễn-Khánh đã đến tận
nơi thị sát. (*hình: D*)
Tổng Tư Lệnh khen thưởng xứng đáng
tất cả chiến binh (*hình E & G*)
Chiến thắng này, lột trần mặt nạ Hồ-
Chí-Minh
Phản bội Hiệp định Genève, chủ trương
xâm lăng binh biến
Ngày hôm sau, Ủy hội Quốc-tế Kiểm-
soát Đình-chiến
Đến chiến trường, xác nhận: CSBV
xâm nhập Miền Nam
-o-

“Đại thắng Vũng-Rô”, Một chiến tích
vẻ vang
Chối lợi muôn đời những trang Quân
Sử Việt
- Bằng chứng hiển nhiên cho ngàn sau
rõ biết
Lũ Bắc Cộng đội lốt Giải phóng miền
Nam
Gây nên cuộc chiến tranh Nam Bắc
tương tàn
Đưa trọn Việt Nam vào ao tù Cộng Sản
- Người Lĩnh VNCH, dù trên đường di tản
Vẫn luôn tự hào với “Đại Thắng
Vũng-Rô”!
Thực xứng danh: “Chiến-Sĩ diệt Cộng nô”

TRẦN QUỐC BẢO

Richmond, Virginia

Viết cho Ngày Quân Lực VNCH 19/6



(A) Bản đồ Vũng Rô

Ghi chú:

(x) Bài Thơ “Chiến Thắng Vũng Rô” này, là một tài liệu Quân-Sử, tác giả đã tham khảo tư liệu và được sự hiệu đính trực tiếp, của Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (Houston, TX) và Đại Tá Từ Văn (Sacramento, CA)

(1) Trong một phi vụ tản thương, Trung Úy J.S.Bowers lái trực thăng UH.1B đã bay qua vùng Vũng Rô, cách Nha Trang khoảng 50 dặm.

(2) Thiếu tá H.P.Rodgers, Cố vấn trưởng, Bộ Tư Lệnh Vùng 2 Duyên hải tại Nha-trang

(3) Sau này ông Hồ-Văn-Kỳ-Thoại là Phó Đề Đốc Hải quân/QLVNCH

(4) Ngay sau Trận Vũng Rô, Trung úy Từ Văn được gán lon Đại Úy (thăng cấp tại Mặt Trận) - Sau này ông Từ-Văn là Đại Tá/Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 5.BB /QLVNCH (Tu Lệnh SĐ 5 là Thiếu Tướng Lê Nguyên Vỹ - đã tuấn tiết 30/4/75)

Hình ảnh đính kèm: (6 hình ảnh tư liệu do PĐĐ.Hồ Văn Kỳ Thoại và DTá Từ Văn cung cấp)



(B) Thiếu Tá Hồ-Văn-Kỳ-Thoại (người thứ 1, trái) sau chiến thắng Vũng-Rô, được ân thưởng Bảo-Quốc Huân-Chương Bội Tinh kèm Anh-Dũng Bội-Tinh với nhánh dương liễu, hình chụp chung cùng các Hạm trưởng Hải Quân (1965)



Weapon cache unloaded from VC sunken ship

vnaifmarrn.com

.(C) Vũ khí, đạn dược, mìn chất nổ ...
tịch thu của VC sau trận Vũng-Rô

.(D) Thiếu Tá Hồ-Văn-Kỳ-Thoại
(quân phục màu xanh, người thứ 2 từ
trái) Chỉ huy cuộc Hành quân Vũng-
Rô; và - Đại Tướng Nguyễn-Khánh
(tay cầm thuốc lá, người thứ 2 từ
phải) đến thị sát Chiến trường Vũng-



Rô, đang
xem chiến
lợi phẩm.

.(E) Tổng
Thông
Nguyễn
Văn Thiệu

gắn Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân
Chương cho Trung Úy Từ Vấn



(G) Trung ÚY Từ Vấn (thứ 2 từ
trái) và các Chiến
Hữu, Trận Vũng
Rô đứng trước
Chiến lợi phẩm

PHU YEN
1965

DEPARTMENT OF DEFENSE
STILL MEDIA RECORDS CENTER
WASHINGTON, D.C. 20374-1601
ID#BX: CC-29589 // 1 - CC V - 134
SERIES: DATE: 20 Feb 1965
SERVICE ID:
PHOTOGRAPHER: Spec. 5 Allan K. Nole

Vietnam.....Lt. Gen. Nguyen Khanh, commander in chief,
Vietnam Armed Forces, inspects some of the cases of
captured communist weapons and ammunition on the
beach prior to loading aboard a Vietnamese navy tank
landing ship for movement away from a cave where they
were temporarily hidden. More than 100 tons of
weapons and ammunition were captured by members of
the U.S. Special Forces aboard a large cargo vessel
maulaged along the coast of Phu Yen Province. The
suspicious vessel was spotted by a U.S. helicopter
pilot flying along the coast.
OFFICIAL U.S. ARMY PHOTO (RELEASED)

Thơ Nhạc Ca Ngâm

+++++

Nguyễn Phú Long

Trong những chương trình giải trí của các trung tâm lớn sản xuất đĩa nhạc thường thường ngoài mấy bản đơn ca, song ca, hợp ca người ta đã gài vài tiết mục khác như một hai vở kịch ngắn hay màn giới thiệu áo dài mục đích để thay đổi không khí cũng là để cho đầy đĩa, cho đúng khoảng thời gian dự trữ.

Bây giờ tình thế đã khác xưa, nhất là tại hải ngoại, không gian lui tới xa xôi, thời gian tất bật, tuy thỉnh thoảng vẫn còn những hình thức đại nhạc hội tổ chức bán vé cho quý khán thính giả vào rạp tại một vài địa phương đông dân ngôi thường thức như Sài Gòn, nhưng một công đôi việc, mục đích chính là để thu vô đĩa nhựa rồi tung ra thị trường to rộng hơn, lợi hơn.

Những sản phẩm văn nghệ đó thực hiện công phụ, rất quý có thể giữ làm tài liệu, có thể mua về dễ dàng từ các tiệm thương mại, sách báo ngoài phố cho cả gia đình thưởng thức. Rồi lâu lâu ta còn mở xem lại vẫn ở nhà thoải mái khỏi phải di chuyển tới rạp đỡ tốn tiền và thì giờ.

Mặt khác chúng ta cũng có cơ hội thưởng thức ca nhạc khi tham dự các hội đoàn, cơ quan, tiệc cưới, sinh nhật,

ra mắt sách... nói chung là những khi tập hợp cùng sinh hoạt với nhau.

Trường hợp này đôi khi cũng thấy mời các ca sĩ chuyên nghiệp cho linh đình, nhưng nhiều phần chương trình văn nghệ do ban tổ chức địa phương tự đảm trách, ban nhạc cũng là địa phương để tiết kiệm. Nó mang tính tài tử, nhiệt tình, gần gũi. Còn vấn đề trình diễn thì khách mời cũng có thể đóng góp được, cũng chẳng cần đủ tiêu chuẩn nhà nghề, vì hát hay không bằng hay hát. Tuy nhiên thường rất ít mục diễn kịch mà đôi khi lại có ngâm thơ...

Ở đây ngâm thơ thường do người lớn tuổi ít biết hát, nhân trong buổi hội họp xung phong đóng góp, biểu diễn cho vui. Và đó cũng là trường hợp từ suy nghĩ của một số người chứ chẳng lẽ mấy vị này, chỉ biết ngồi khui chai nước ngọt dung lượng 2 lít ở trên bàn, gắp cục đá vào ly, mời chào, còn để người khác lo mọi chuyện, làm thế nó hơi có vẻ ít hợp tác, chia xẻ.

Vì lý do có tính cách hiềm hoi, bắt chọt, tình cờ như vậy nên chuyện ngâm thơ tại hải ngoại, không hẳn là một bộ môn nghệ thuật sâu rộng phát triển cần nghiên cứu học tập.

Tuy không mấy phổ thông nhưng đôi khi chúng ta vẫn thấy có người yêu thơ với chất giọng thiên phú đã nhiệt tình, vô vị lợi, dốc lòng cống hiến bà con địa phương thưởng thức những vần điệu tuyệt vời khi có dịp như chị Hoàng Bạch Mai ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Còn nhớ hồi xưa có ban ngâm thơ Tao Đàn của đài phát thanh Sài Gòn, với thi sĩ Đinh Hùng đã làm say mê thính giả, nhất là mấy người lớn tuổi, vào ban đêm sau những ngày giờ làm việc mệt nhọc cần chút thư giãn thanh thoi.

Ta cũng không quên mấy ban ngâm thơ nổi tiếng tại quê nhà đã tụ tập nhau với các nghệ sĩ sử dụng những nhạc cụ, phần lớn là cổ truyền như đàn tranh, nguyệt, nhị, sáo. Tại Sài-Gòn có Hồng Vân, đã thực hiện những đĩa ngâm thơ giá trị giới thiệu các bài thơ bất hủ của các thi nhân nổi danh từ trước đến nay kể cả ít người hiện sống nơi hải ngoại gửi về nhờ thực hiện.

Thuở trước ngâm thơ thường do “tức cảnh sinh tình”, nổi hứng, bất chợt, ngẫu nhiên cho mình, cho bè bạn hoặc trước đám đông thí dụ như trường hợp bài Ngày Xưa Đi Học (trong tập Biết Bao Nhiêu tình, 2001) kể chuyện một ông Lão rong chơi sông núi, khi gặp các quan viên sở tại ở đình làng bèn ực chén rượu mời, trở tài, ngâm một bài thơ, rồi sau, vì vậy, được dân xã thôn đề nghị dừng bước sông hồ, mời ở lại làm ông Đồ dạy học:

Bây bước thành thơ rất thanh thoi!
Giữa đình, ứng khẩu, đọc khơi khơi

Bình, bình, trắc, trắc, bình, bình, trắc
Tình tứ, văn chương... đẹp tuyệt vời!

Làng xóm xầm xì...Ồ? Lạ nhỉ!
Ông đồ già xách túi rong chơi
Được neo ngồi lại “xoa” đầu trẻ
Lũ nhỏ ê a hã quá trời!

.....

Lúc đó không có âm nhạc hòa theo như bình thường bây giờ. Lúc đó nhiều trường hợp khác cũng vậy. Thơ tây phương cũng chỉ tụ họp nhau đọc nghe thôi, không đệm nhạc và không có ngâm như Việt Nam ta. Mà tiếng nhà nghề ngày nay gọi như thế là hát chay, ngâm chay. Một lần, năm 2016 khoảng tháng Mười, nhà văn Phạm Văn Tuấn ở thủ đô Washington đã gửi cho tôi qua một E-mail với nội dung tóm tắt như sau:

“Tại một buổi hội thơ của người Mỹ, các người Mỹ chỉ đọc thơ tiếng Mỹ. nhưng khi một thi sĩ Việt Nam tham dự và đóng góp vào buổi họp, thì thi sĩ Việt Nam này mang theo một nhạc sĩ thổi sáo, và một nhạc sĩ đệm đàn tranh...cả ba người vừa ngâm thơ, vừa thổi sáo vừa hòa đàn. Công việc “phối hợp nhạc và thơ” này làm cho các cử tọa Mỹ vỗ tay quá xá!”

Cũng xin xác nhận, ở đây, ngâm là động từ không phải danh từ. Cũng chẳng phải là nói đến một thể loại văn chương gọi: Ngâm thí dụ như Cung Oán Ngâm Chinh Phụ Ngâm mà Vũ Ngọc Phan bảo ngâm trước hát sau (Tục Ngữ Dân Ca Việt Nam 1978); còn Nguyễn Xuân Kính nói ngược lại (Thi Pháp Ca Dao, 1992).

“Ngâm thơ ở đây” có lẽ thoát thai từ đọc số, văn tế, và việc thôi xao của thi nhân thường làm sau khi sáng tác một bài thơ. Tôi nói “có lẽ” vì những mục này thường sẩy ra lan man chỗ nọ nơi kia, lúc này thời khác không kiểm chứng được. Số, văn tế thì ai cũng biết, nay chỉ xin phép kể câu chuyện “Thôi Xao” như sau:

Hồi xưa, ở bên Tàu, có thí sinh tên Giả Đảo (779-843) đang trên đường về kinh ứng thí, ban đêm qua khu rừng thấy một ngôi chùa, bốn bề âm u tịch mịch, bèn làm hai câu thơ:

Điều túc tri trung tạo,

Tăng thời nguyệt hạ môn.

(Trên cảnh chim trú qua đêm

Cổng chùa sư đầy êm đềm dưới trăng.)

NPL tạm dịch thoát ý.

Song nghĩ lại, chữ Thôi (đầy) không đạt, vì giữa đêm khuya nhà chùa đóng cửa cài then làm sao đầy. Nên thay vào đó chữ Xao (gõ) có lẽ đúng hơn:

Điều túc tri trung tạo,

Tăng xao nguyệt hạ môn.

Về sau, thấy gõ cũng chẳng hay vì giữa khu rừng u tịch, tiếng gõ làm ồn ào, chim đang ngủ trên cành, hốt hoảng vỗ cánh bay xa, sẽ hư mất cảnh... thành ra anh ta ngồi trên lưng con lừa, tiếp tục nhịp bước, thu ngắn quãng đường đi, lúc mặt trời đã nhô lên xa xa, suy nghĩ mãi mà cũng chẳng biết quyết định sao!

Lúc đó quan Đại Doãn Hàn Dũ tự Thoại Chi một thi văn gia lớn, nổi tiếng đời Đường quê ở Nam Dương thuộc Đãng Châu chợt đi qua, hết thấy mọi

người đều tôn trọng phải dạt ra tránh, riêng Giả Đảo vẫn nghênh ngang giữa lộ nên đã bị giữ lại khép tội vô lễ.

Bẩm quan Lớn...” Con chót hớ hênh ông xá tội...”...Giả Đảo trình bày cái lơ đãng của mình, thì ngay quan Hàn Dũ cũng phân vân không biết nên dùng chữ nào. Thôi hay Xao! Rồi hai người cùng bàn luận văn thơ và Giả Đảo được bỏ qua lỗi bất kính!

Chuyện chỉ có vậy. Nhưng đã nói lên từng chữ trong câu thơ nó quan trọng dường nào! Thôi và Xao có nghĩa khác nhau, quyết định dùng đúng trong một hoàn cảnh còn khó thể, huống chi những chữ cùng diễn tả về một ý nghĩa nhưng mức độ cao thấp, nặng nhẹ khác nhau. Thí dụ như: biết nhau, quen nhau, thân nhau, mến nhau, yêu nhau, thương nhau, lầy nhau...

Tiện đây xin mở dấu ngoặc nói thêm thơ Giả Đảo phong cách cô đơn thường là ngũ ngôn tứ tuyệt trầm tĩnh, ít bông bột có khi ba năm mới xong mấy câu, nguồn Wikipedia:

Nhị cú tam niên đắc

Nhất ngâm song lệ lưu.

(Ba năm làm được đôi câu

Một ngâm hai giọt lệ sâu tuôn rơi)

NPL tạm dịch thoát ý.

“Nhị cú tam niên đắc” thì hơi chậm, chẳng bù với bây giờ, nhất là người Việt mình, làm thơ nhanh quá, nhiều quá! Nơi tôi cũng có mấy nhà thơ, cầm bút cầm hơi mãi đến giờ, Chẳng phải cầu mong gì để lại, Mà cho thời khắc bớt ngu ngơ. Khép ngoặc.

Về sau người ta coi câu chuyện thổi xao như một sự tích, hai chữ “Thổi Xao” mang ý nghĩa, làm xong bài thơ nên thổi xao lại, tức là phải đọc, nghe, suy nghĩ, đắn đo, tính toán xem về âm điệu, ý tưởng, luật lệ có cần chỉnh sửa gì không rồi mới kể là xong việc. Mà đọc với tinh thần trân trọng để hết tâm hồn vào nội dung bài thơ như thế thì cũng như ngâm rồi!

Hoài Thanh trong tác phẩm “Chuyện Thơ” xuất bản năm 1978 do nhà Tác Phẩm Mới, ông viết: “Đối với việc ngâm thơ.... một số người cho rằng, thơ thì phải đọc mới tiếp thu được đúng nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Còn ngâm lên thì e rằng bài nào rồi cũng như bài nào. Một bài thơ mà được ngâm đúng cách thì sẽ có thêm rất nhiều sức để đi sâu vào tâm tư.”

Bùi Ngọc Tuấn bày tỏ: “Giống tôi, Nguyễn Hồng không thích ngâm thơ, ghét nữa. Giọng véo von trầm bổng làm mất âm điệu ngôn ngữ. Nó giết chết nhạc của thơ”(Bùi Ngọc Tuấn, Góc Nhìn #305)

Tôi nghe vậy thấy hơi lạ, bán tín bán nghi, đối với những cây cổ thụ, nên “kính nhi viễn tri”. Nhưng vẫn yêu thích ngâm thơ. Tại sao ngâm lại làm mất âm điệu ngôn ngữ nhỉ? Ngược lại thì đúng hơn. Có điều một người ngâm bài thơ hai lần, cố gắng lắm nó cũng khó thể nào giống nhau hoàn toàn. Và không bao giờ có nhiều người “hợp ngâm” như ca khúc. Có lẽ lý do thơ không được chỉ định rõ ràng từng chữ

trường đoản cao thấp làm mực thước như âm nhạc. Vậy người ngâm bài thơ cũng là sáng tạo, tùy hứng, và chuyện ‘ngâm đúng cách’ của Hoài Thanh có thể vẫn du di được phần nào.

Tiếp theo xin, cài răng lược, nói sang lãnh vực ca nhạc đôi câu. Trình bày lời ca một bản nhạc người ca sĩ cứ theo mấy nốt có sẵn trầm bổng dài ngắn mà phát âm theo thôi, đã đành là cũng khó, rất khó, dễ thì ai chẳng làm ca sĩ được, nhưng tập luyện kỹ, nhiều và nhận xét học hỏi từ kẻ khác nữa, điều chỉnh đúng thì hy vọng ông trời không phụ.

Giọng Opera lấy hơi cả từ bụng, khó, không phù hợp với người mình nhiều, giọng tenor sắc nét, âm vực cao như xé không gian

tĩnh người, mà giọng thổ trầm trầm lừng khùng thông dong như tiếng đại hồ cầm thoải mái cũng quý. Do sự cấu tạo khác nhau về âm sắc, mỗi người lại có một chất giọng riêng, đặc biệt người nghe thì cứ nghe là biết ngay, ý thích khác nhau, âm thanh giống như màu sắc, nhân tâm tùy mạng mỡ làm sao đồng lòng được.

Lý thuyết có lẽ như vậy nhưng từ lý thuyết đến thực hành cũng xa. Xin mạn phép quý nhạc sĩ, ca sĩ, tôi chẳng phải người trong nghề, chưa biết chắc đúng hay sai, xin cứ múa rìu tí cho đậm đà, cho le. Giả dụ về sau trường hợp có ý kiến chỉnh sửa hữu lý thì cũng là dịp học hỏi thêm, “quân tử” sẽ nói lại, không sao đâu!

Nhạc sĩ viết bản nhạc là để cho các ca sĩ trình bày, ca hát, trái lại tác phẩm của nhà thơ không chỉ nhằm một mục đích như thế cho nên các “ngâm sĩ” cần phải chọn lựa mấy áng thơ phù hợp những bài nào có thể đem ra trình bày cho khán thính giả được.

Tuy thơ và nhạc là hai bộ môn hỗ trợ nhau rất khăng khít. Nhiều nhạc sĩ đã lấy thơ phổ thành bài ca, nhiều bài ca có lời là mấy vần thơ tuyệt vời, điều đó hẳn mọi người biết rồi. Nhưng xin nhấn mạnh ở đây là đôi khi mở đầu trình bày ca khúc ca sĩ đã có sáng kiến chọn ngâm thêm vài câu thơ làm khán thính giả chú ý cũng là nét nghệ thuật độc đáo tỷ dụ như ca sĩ Hoàng Oanh vẫn thường biểu diễn.

Đôi khi, thay vì mở đầu, người ta để mấy câu thơ ngâm ở giữa bản nhạc như bài “Đôi Câu Gửi Về” do ca sĩ Quỳnh Lan trình bày cũng hay.

Đoạn trên vừa giới thiệu sự kết hợp hài hòa giữa thơ và nhạc. Nay xin thêm, trường hợp đặc biệt, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã sáng tác ca khúc Đò Dọc, tóm tắt và phỏng theo nội dung tiểu thuyết cùng tên của văn sĩ Bình Nguyên Lộc rất độc đáo.

Trường hợp “thơ nhạc giao duyên” (TNGD) bây giờ thấy không phổ biến. Tân cổ giao duyên thì vẫn còn. TNGD vắng bóng có lẽ vì muốn trình bày cần nhiều nhạc cụ khác nhau và hai diễn viên này ít liên hệ với nhau, khó hòa hợp. Một điểm quan trọng nói ra hơi thừa, vì ai cũng biết: Ngâm hay hát cần

phát ngôn rõ ràng có thể thì người nghe mới nắm được đại ý đầu đuôi.

Bây giờ chắc ít ai dám nghĩ chuyện đem trình bày cả vở kịch thơ trên sân khấu vì nhiều phần thiếu khán giả, không đủ sở hụi, mới lại khó kiếm nhiều kịch sĩ ngâm thơ, thí dụ vở Kiều Loan bốn màn nổi tiếng một thời với hơn mười vai chưa kể đám lính và lũ trẻ. Nhân tiện xin cảm ơn thi hữu Đoàn Ngọc Kiều Nga, con gái cung tiền bối Mai Lâm, đã tặng tôi tập kịch thơ rất hiếm này.

Trình bày bài thơ chẳng thể lập lại hai lần như trường hợp nhiều bản nhạc. Do đó theo ngụ ý của tôi, thì bài thơ ngâm phải hơi dài, có cốt truyện và thời lượng cần khoảng bốn hay năm phút. Đừng giới thiệu những bài ngắn quá để cứ phải ngâm nga như thầy cúng ở cuối mỗi đoạn, câu thêm giờ, và riêng tôi, thể lục bát thì không dám trình bày nhiều đâu, rất khó, kinh nghiệm một lần khi đang ngâm đoạn mở đầu truyện Thúy Kiều, nó ô-tô-ma-tích chuyển sang cò lá, ru em, sa mạc... lúc nào không hay ngó quanh mấy khán thính giả ngủ gà, ngủ gật.

Còn một điểm khá quan trọng, dù hát hay ngâm cũng cần phải “diễn” nữa! Tuy diễn khi ngâm thơ giản dị, nhẹ nhàng hơn. Thí dụ cầm cái quạt phe phẩy hoặc cuốn sách khoan thai qua lại..

Hồi 75 bọn Ngổ vào Sài Gòn chẳng cho ca sĩ diễn tả như giơ tay cao quơ quơ nhìn vào bầu trời, mơ mộng tưởng tượng đang bắt con bướm trong không khí là chẳng được, phải đứng im mà hát

sau thấy làm thế là sai, đã sửa lại, đã cho nghệ sĩ trình diễn được tự do thả hồn sông với nội dung như cũ.

Đôi khi vì nhu cầu của bản nhạc, một mình ca sĩ diễn chưa đủ ta thấy còn nhiều người cùng xuất hiện phụ diễn để sân khấu thêm tung bừng, sôi nổi, hấp dẫn.

Hiện thời có vài chương trình ca nhạc truyền hình hàng tuần ca sĩ ngồi yên trên ghế để hát khiến cho phần diễn khó khăn có thể cũng là trở ngại làm họ không bày tỏ trọn vẹn được tinh thần bài bản.

Ngược lại khi thấy cặp song ca nam nữ vừa ca vừa diễn quá mùi có thể đó cũng là một trong nhiều lý do khiến ông chồng đề nghị vợ ở nhà “có rau ăn rau, có cháo ăn cháo” chẳng muốn cho tập luyện theo nghiệp cầm ca, môn nghệ thuật hấp dẫn, ăn khách hiện có giá trị đang được nhiều người mến chuộng.

Thực tế làng ca nhạc Việt Nam đã thấy nữ ca sĩ đi hát có bà mẹ luôn luôn đi cùng để chắc chắn sẵn sàng can thiệp lúc hữu sự. Còn cả trường hợp khác, không bao giờ song ca với ai.

Đây là tình trạng giữ gìn thuở trước, bây giờ, thời buổi tân tiến, chuyện nhỏ, và dù nhỏ đôi lúc vẫn không được chấp thuận thí dụ khi có kẻ muốn “khớp con ngựa ngựa ô...” đưa nàng về dinh, nhưng lại ra điều kiện là phải từ giã nghiệp cầm ca khiến “Nàng” cần suy nghĩ kỹ. Đây chẳng hẳn là “môn đăng hộ đối”, vẫn là chuyện tình, và mọi sự ở đời cũng nên cân nhắc, bỏ nghề ca hát sẽ nhận được gì, tiền bạc, danh vọng, hạnh phúc, có xứng đáng, ba-lãng không?

ĐÓN ĐƯA

Em vào với bạn với thầy,
Anh qua Bách Thảo ngó bầy cá bơi.
Mỗi người một ngã đôi nơi,
Cổng trường khép mở như hơi hơi rầu!

Râm ran tiếng nhạc ve sầu,
Uống ly nước mía, gắp câu chuyện tình,
Cỏ cây trong nắng lung linh,
Người qua, kẻ lại, chúng mình vẫn vương!

Tới giờ, trở lại cổng trường,
Em ôm cặp sách nhún nhường đẹp tươi,
Bước ra cùng đám đồng người,
Thấy anh, cho một nụ cười thiết tha....

Em về bài vở cửa nhà,
Hẹn mai, ta lại như là bữa nay!
Miệt mài, đều đặn, mê say,
Công anh, kỷ niệm, chuỗi ngày tuổi thơ.

Nguyễn Phú Long.

Nhân mùa tựu trường 2017.

Nói đến trình diễn là nghĩ ngay đến sân khấu nơi các ca sĩ ngâm sĩ cầm micro hành nghề. Ở đó, tất cả các nghệ nhân ai nấy đều cố gắng sửa soạn, son phấn, ăn mặc rục rờ. Đạo diễn chỉ bảo kỹ thuật tường tận. Những chiếc áo dài đặc biệt quê hương đôi khi đã được các nhà thiết kế sáng tạo tân kỳ: cổ hở, cộc tay vạt ngắn vạt dài, lưng lỗ tùm lum... và diễn viên biểu diễn đã làm độc

giả nhìn đôi khi cảm tưởng lạ lẫm sững sốt. Ôi chao kia như họ chẳng mặc quần. Tuy nhiên rất may mới chỉ thấy những cảnh đó dưới ánh đèn màu rực rỡ thôi, ngoài phố chưa gặp, bốt đưng xe!

Chắc ai này đều đồng ý là trên sân khấu, các diễn viên trẻ đẹp được ưa chuộng hơn, có ưu thế hơn. Còn nhớ:

“Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thật xấu hát thì thật hay.”

Đó cũng là một thí dụ về sự thất bại, ôm hận, đòi đòi của...“Anh Trương Chi!!! Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung... Anh thương nhớ oán trách cái cuộc từ ly nào nùng.” Còn biết mới đây đâu đó phát sinh kỹ thuật hát nhép, khán giả biết ngay, không ưa, nhiều kẻ la ó chọ là lừa bịp.

Đề kết thúc, lại có người nhận xét “với sự đa âm của ngôn ngữ thơ bên trời Tây, chả thể nào nghe có vần có điệu như những thể lục bát, song thất lục bát, tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú của trời Đông nơi ngôn ngữ là độc âm” (Trịnh Bình An, Thơ Limerich, trích đặc san hội Cao Niên 2017).

Điều này đúng, nhưng theo tôi khi đem những thể thơ “của trời Đông” để ngâm lên dù chỉ với mục đích thưởng thức cũng vẫn khó khăn vô cùng.

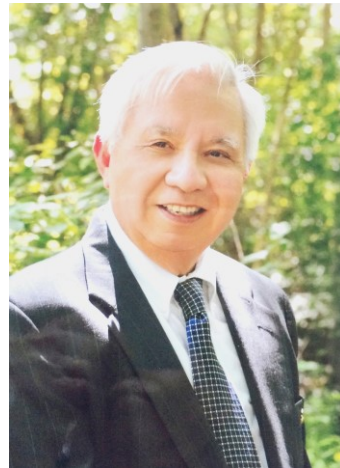
Thực ra, nói chung, việc gì cũng khó. Nhưng với sự quyết tâm theo đuổi thì ca sĩ và cả “ngâm sĩ” nữa, những kẻ biết mình may mắn có tí chất giọng trời cho hơn người, nếu muốn, cứ tiếp tục nghiên cứu, sửa soạn, luyện tập vẫn hy vọng thành công, đạt mục đích.

Mục đích ấy là gì? Thành công như thế nào? Cố vấn sĩ Võ Phiến mô tả

trong cuốn tùy bút “Sống và Viết” 1996, bài Nhà Văn:

”Ca hát cho người nghe, diễn kịch cho người xem, ngoài khoản thu tiền vé vào cửa, lại còn được hưởng thêm những tràng pháo tay kêu đôm đốp. Như vậy cung ứng cho các nhu cầu vật chất thì được đáp ứng bằng vật chất, mà cung ứng khoái thích tinh thần cho người đời thì ngoài khoản lợi lộc vật chất (vẫn thu kỹ) còn được đền đáp bằng lợi lộc tinh thần. Đừng nghĩ vật chất là “thực” tinh thần là “hư” mà xem nhẹ nó. Không nhẹ đâu.”

Thực vậy, sau đó tác giả liền kể một thí dụ về lợi lộc tinh thần “không nhẹ đâu” rất hấp dẫn, xin miễn chả nêu ra đâu, bài cũng hơi dài. Võ Phiến lại chỉ đề cập tới ca hát và diễn kịch, chẳng lý tới ngâm thơ. Có thể vì ngâm thơ trên sân khấu bây giờ rất hãn hữu ít ỏi.



Nguyễn Phú Long
Tháng 6, 2017

BUỔI HỌC ĐẦU TIÊN

Trương Anh Thụy

Hôm nay ngày nhập học,
Con xách cặp đến trường
Mặt buồn thiu phụng phịu
Trông thương ơi là thương!

Mẹ dắt con đến lớp
Con chùn lại không vào
Cô giáo ra tận cửa
Mỉm cười, bắt tay chào

Bước theo Cô, miễn cưỡng
Đôi chân nặng như chì
Quay đầu nhìn trở lại
Như van mẹ: “Đừng đi!”

Mẹ rón rén ngồi xuống
Trên chiếc ghế góc phòng
Lắm lét con nhìn mẹ
Đôi mắt ướt lưng tròn

Lần đầu tiên xa mẹ
Xa bố, xa ông bà
Con tưởng như trời đổ
Như vật đổi sao sa!

Nhớ hôm trước con hỏi:
“Cô giáo có yêu con?”
“Bạn là ai hở mẹ?”
“Họ trông có giống con?”

“Ở trường làm sao nói
“Khi muốn uống, muốn ăn?”

“Khi muốn đi phòng tắm?
“Khi con lỡ tè dầm ?”

Tuổi thơ sao sớm hiểu
Sớm biết liệu lo thân!
Thương con còn non nớt
Mẹ suy nghĩ bần thần...

Thoáng thấy con lơ đãng
Nhìn giấy dán trên tường
Mẹ lui mau lối cửa
Rồi biến mất ra đường

Tan trường mẹ trở lại
Hân hoan đón con về
Con ôm chầm lấy mẹ
Nước mắt dài lê thê... :

“Con không đi học nữa
“Con chẳng có ai chơi
“Con nói bằng tiếng Việt
“Cả lớp phá lên cười!”

Mẹ thương con đứt ruột
Nhưng vội mắng át ngay:
“Con tội hư quá nhỉ!
“Không bằng mấy anh mày!

“Con sẽ học tiếng Mỹ
“Sẽ có bạn nay mai
“Chúng nói một thứ tiếng
“Con nói được những hai.”

Đêm nay con nằm ngủ
Trần trọc mãi không yên
Mẹ vuốt ve khuyên nhủ:
“Lâu dần con sẽ quen

“Con khác bạn cùng lớp
“Vì con, người Việt Nam
“Từ xưa một giòng giống
“Văn hiến mấy ngàn năm

“Tổ tiên con: Nguyễn-Trãi,
“Lê-Lợi với Quang-Trung...
“Chuyện Hoa Lư, Thánh Gióng...
“Sáng ngời gương Triệu, Trưng...”

Bỗng con lay tay Mẹ:
“Thôi! Thôi! Con nhớ rồi:
“Chuyện Cờ Lau tập trận
“Chuyện Phù Đổng lên Trời

“Con sẽ kể với bạn
“Cho chúng phục la... ăn... chơ... ơi...”
Chợt... giọng Con nhỏ hãnh...
Khò... Khò... Con ngủ rồi!



Bản dịch tiếng Anh:

The First Day of School

English version by Huynh Sanh Thong

Today is his first day of school
The child, with satchel, must go in—
wearing a face of gloom and doom,
poor boy, he looks so weobegone!

Mother will steer him to his class,
but here he balks and won't walk in.
The teacher, waiting at the door,
smiles a big smile and shakes his hand.

Against his will he follows her,
dragging his feet which feel like lead.
He turns his head and looking back,
he seems to plead, “Mom, please don't leave!”

So Mother tiptoes to a chair
and, in a corner, she sits down.
Meanwhile, the child keeps watching her
with furtive eyes that brim with tears.

For the first time he'll be away
from Mom and Dad, Grandpa, Grandma.
The child believes the sky will fall
and stars will tumble in their flight.

Recall the other day—he asked:
“But will the teacher care for me?
Who'll be my friends and play with me?
Will they look just like me or not?”

“Tell me--- at school what should I say
if I would like to drink or eat,
if I must go to their rest room,
if I do wrong and wet my pants?”

He knows so much for his young age!
He sees ahead and makes his plans.

Poor boy, he's just a little kid,
and Mother worries for his sake.

The child's attention now is held
by colored posters on the walls.
So toward the exit Mother slides
and disappears into the street.

But after school she does come back:
in triumph she'll escort him home.
The child clasps her and won't let go
as down his cheeks the hot tears flow.

"Mother, I won't go back to school!
There was no one to play with me.
And when I spoke in Vietnamese,
They burst out laughing—all of them!"

It breaks her heart to hear these words,
but gently she chastises him:
"You're just too spoiled, my darling son.
Watch your big brothers and behave.

You'll be taught English --- you will learn;
soon you'll be making friends.
They speak one language --- only one.
Study, and you'll be speaking two!"

Tonight the child she tucks in bed
fidgets and frets and won't doze off.
Mother strokes him and softly says:
"You'll like it when you're used to school.

You're different from the other kids
because you are a Vietnamese.
Since long ago we've formed one race ---
Our history boasts four thousand years.

Your ancestors include Nguyen Trai, (1)
Le Loi, Quang Trung --- all worthy men. (2)
You know about Hoa Lu, Saint Giong. (3)
Such names as Trung and Trieu still shine... (4)

Suddenly the child shakes Mother's arm:
"Oh, I remember now those tales!
Reed tassels in war games were flags.
He flew to heaven, that Saint Giong!

I'll tell those stories to my friends:
their eyes will pop out, and they'll gasp..."
His voice trails off and then stops short.
A steady snore—he is asleep.

Translated by Huynh Sanh Thong
(An Anthology of Vietnamese Poems,
New Haven: Yale University Press,
1996).

[1] Nguyen Trai: Nguyen Phi Khanh (1336-1408) served Ho Quy Ly in a high post and shared his fate when Ho was toppled by the Minh invaders and taken as a prisoner of China in 1407. Legend has it that his son Nguyen Trai (1380-1442) wanted to accompany him into exile, but Phi Khanh told him to stay home and work for national liberation. Nguyen Trai was destined to become Le Loi's strategist and the architect of their ultimate victory over the Chinese in 1428.

[2] Quang Trung: the reign of Nguyen Hue (1752-1792), victorious peasant leader of the Tay Son revolt.

[3] Hoa Lu: the capital of Vietnam during the Dinh dynasty (968-980) and the Earlier Le dynasty (980-1009). A village in Ninh-binh Province, it was chosen as the capital by Dinh Bo Linh after he had triumphed over the other warlords and unified the country under his rule. Hoa Lu means "reed tassels." As legend has it, in his youth Dinh Bo Linh would lead fellow buffalo boys in war games, using reed tassels for flags.

Saint Giong: according to Vietnamese myth, the child hero who saved the country from the northern invaders and flew back to heaven after victory.

[4] Trung: In the first century of the Christian era, Vietnam was known as Chiao-chih (Giao-chi in Vietnamese) and was part of the Han empire. The tradition goes that the Chinese governor Su Ting (To Dinh) killed Trung Trac's husband, Thi Sach. After that incident, the widow and her younger sister Trung Nhi led a revolt that succeeded in toppling Chinese rule. The two women reigned briefly, from 40 to 43. Defeated by China's legendary Marshall Ma Yuan (Ma Vien), they either drowned themselves or were captured and executed,* according to various accounts. Lady Trieu: with her brother, she led a

rebellion against the Chinese in 248 CE.)

*Note from Trung Anh Thuy: The idea that the Trung Sisters were possibly "captured and executed" is just not plausible. With the intense hostility at the time, had the Trung Sisters actually fallen into the hands of the Chinese, their triumph would have been widely celebrated and documented. The Sisters would have certainly been savagely humiliated and violated before eventually being executed. The evidence of which would have been broadly and proudly propagandized by the Chinese. Yet, we have never seen any such evidence – only hearsay in their revisionist history.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

THÔN VĨ DẠ

Thôn Vĩ Dạ - hiện nay thuộc phường Vĩ Dạ (Huế) - lấy tên « Từ gốc là Vĩ Dạ (- vĩ : lau, - dã : cánh đồng) nằm ở ngoại vi thành phố Huế, bên bờ sông Hương. Trước kia, nơi đây có nhiều vườn tược rất xinh xắn, nên thơ ; là nơi cư ngụ của nhiều vương hầu, quý tộc, danh sĩ thời trước. *Vĩ* được viết *i* ngắn, vì theo cách viết trong sách giáo khoa *Ngữ văn* đang hiện hành » (Bách khoa toàn thư mở Wikipedia). Thôn Vĩ Dạ nổi tiếng từ xưa đến nay nhờ bài thơ « Đây thôn Vĩ Dạ » (lúc đầu gọi là *Ở đây thôn Vĩ Dạ*) của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

*Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay ?*

*Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?*

VỸ DẠ mon amour

*Pourquoi ne venez-vous pas au village
Vỹ Dạ ?*

*Nous y admirerons ensemble le lever
du soleil*

*Dardant ses rayons lumineux sur les
rangées d'aréquier*

*À l'avenant de ce jardin verdoyant,
resplendissant d'émeraude,*

*Qui appartient à celle dont le beau
visage de forme carrée*

*Se trouve dissimulé derrière le feuillage
de bambou éclairé.*

*Le vent poursuit sa direction et les
nuages leur course*

*Tout en effleurant le cours du fleuve
mélancolique*

*Et en secouant sur les deux rives les
fleurs de maïs...*

*Quant au sampan anonyme,
Amarré près de la berge du Fleuve au
reflet de Lune,*

*Serait-il en mesure de la transporter
chez nous pour cette nuit ?*

*Tu rêves toujours, ô bien-aimée, au
voyageur très lointain*

*Dans ta robe si blanche que tu
sembles irréelle...*

Te confondant avec la brume du matin

*Qui rend blafarde toute image humaine,
Comment, dans ces conditions, peut-
on savoir*

Toute l'intensité de ton amour pour moi?

(Traduction française de
Lê Mộng Nguyên)

Bài *Đây Thôn Vỹ Dạ* phản ánh một mối tình vô vọng của nhà thơ đối với người mình yêu tha thiết nhưng không bao giờ được gặp mặt « ... Mơ khách đường xa, khách đường xa, Áo em trắng quá nhìn không ra... », tương tự mối tình muôn thuở mà Félix Arvers ấp ủ trong tim, không bao giờ dám nói thẳng với Marie Nodier phải đi lấy chồng năm 1833 và trở thành Bà Marie Mennessier-Nodier :

Tình muôn thuở (Sonnet d'Arvers)

*Đời ta ôm ấp một mối tình
Mối tình muôn thuở mới sơ sinh
Tình không hy vọng, tình ngang trái
Mang bệnh thương này ta lặng thinh
Than ôi trong cuộc thế thẳng trâm
Bên cạnh em mà như xa xăm
Thời gian qua vẫn luôn cô quạnh
Không dám cầu xin, không nói năng
Em là thân diệu của tình si
Trong tâm lơ đãng có nghe gì
Trái tim đau khổ không hàn gấm
Âm thầm theo dấu bước em đi
Cho tròn tiết nghĩa vợ trung thành
Với chồng là phận gái đoan trinh
Xem thơ ta gửi em toàn vẹn
Không hiểu là thơ nói chuyện mình*

(Bản dịch sang Việt ngữ của Lê Mộng Nguyên)

Theo Nguyễn Đình Niên (*Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mặc Tử* (Nxb SEACAEF, 2009) : « ...những người đàn bà thi sĩ đã kinh

qua cuộc đời Hàn Mặc Tử, đó là : Hoàng Cúc, Mộng Cầm, Mai Đình và Thương Thương ». Wikipedia trích GS Nguyễn Đăng Mạnh nói về nguồn gốc hứng cảm của bài thơ *Đây thôn Vỹ Dạ* : « *Hồi làm nhân viên ở sở đạc điền Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có thắm yêu trộm nhớ đơn phương một cô gái người Huế tên là Hoàng Thị Kim Cúc, con ông chủ sở. Một thời gian sau, nhà thơ vào Sài Gòn làm báo, khi trở lại Quy Nhơn thì cô gái đã theo gia đình về Vỹ Dạ (Huế). Một buổi kia , cô Cúc do sự gợi ý của một người em thúc bá, bạn của Hàn Mặc Tử, gửi vào cho nhà thơ một tấm bưu ảnh (carte postale) chụp một phong cảnh sông nước có thuyền và bến, kèm theo mấy lời thăm hỏi để an ủi nhà thơ lúc này đã mắc hiểm nghèo (Bệnh phong) ». Lời thăm hỏi không ký tên, nhưng bức ảnh và những dòng chữ kia đã kích thích trí tưởng tượng, cảm hứng, và đã gợi dậy những gì thâm kín xa xưa của Hàn Mặc Tử... » (theo *Văn Học 11 tập 2*, Nxb Giáo dục, 2008, tr. 40...).*

Bài thơ « Đây Thôn Vỹ Dạ » làm tôi động lòng, và dưới một xúc cảm dạt dào, đã viết ngay trong chiều 25 tháng 4 – 1950, tại Huế (đường Gia Long) sáu tháng trước khi lên máy bay qua Pháp, bài nhạc lấy tên chính thức « **VỀ CHƠI THÔN VỸ** », cảm tác thơ « *Đây thôn Vỹ Dạ* » của Hàn Mặc Tử, để tặng hương hồn người thi sĩ đa tài nhưng bạc mệnh.

VỀ CHƠI THÔN VỸ (Nhạc và lời : Lê Mộng Nguyên)

*Chiều vàng gió thu reo mây mờ
Người về thăm chốn năm xưa
Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
Vườn nấn hàng cau, lá trúc lao xao, bờ
thu xuyên xao,
bến xưa còn loang nắng đào
Sao ta không về chơi thôn Vỹ ?
Nhớ người mắt biếc khuôn mặt chữ điền,
chiều chiều lai láng tình quê,
chờ ai ra đi không về
Gió lướt theo gió mây về đâu ?
Con sông này thu xưa mến thương nhiều
Này đây lối về năm trước còn ghi mấy
lời thề ước
Ai đi cho lòng đau thương
Chiều nay bước về năm xưa
Xào xạc bên hàng tre thưa
Bóng dáng ai hầu phai mờ
Chiều vàng lòng tha hương mong ngày về
Rồi cùng ai nổi duyên tơ
Bao năm không hề quên thôn Vỹ
là bóng nắng thơ
nhớ nhung say sưa,
ngàn năm ước mơ,
hắt hiu lòng ta đợi chờ...*

Nhạc phẩm « Về Chơi Thôn Vỹ » của Lê Mộng Nguyên được đưa lên Trang Nhà « Nhạc Ngô Càn Chiếu » chiều ngày chủ nhật 26 tháng 06 – 2011, 16:26 (giờ Paris) thì tôi nhận được ngay trong ngày chủ nhật ấy (16:58), những cảm tưởng của nhà thơ Từ Nguyễn như sau :

« Lại được thưởng thức thêm một nhạc phẩm đặc biệt hay của nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên viết cho miền cổ hương, cho một mối tình thơ dang dở. Mọi dang dở đều gọi nên nhiều tiếc nhớ nhất là dang dở trong tình yêu. Chuyện xưa đã qua lâu, nỗi đau tình đã phai đi ít nhiều qua lớp bụi thời gian nhưng bàng bạc suốt cả chiều dài nhạc phẩm là những hoài niệm, luyện thương, có lúc lại tràn lên,



chất ngất. Trên nền ý thơ. “ Đây thôn Vỹ Dạ” của Hàn Mặc Tử, những cảm xúc về hình bóng một người thương đã xa khuất trời xa, trong mối tình bất toại, lại như càng tăng thêm muôn ngàn nỗi vọng... Cảm ơn nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhạc sĩ Võ Công Diên và ca sĩ Quốc Duy đã cho mọi người thưởng thức nhạc phẩm tuyệt vời này ! » Và cũng trong ngày chủ nhật 26/06/2011 nhà thơ Từ Nguyễn viết trên mạng lúc 17:36 : ... Nhân hôm nay nghe bài hát của nhạc sĩ mới gửi lên Site của nhạc sĩ Ngô Càn Chiếu (<http://www>.

ngocanchieu.net/ngocanchieu/audio),
thấy thật nhiều hoài niệm về một bóng
nàng thơ của Huế trong mỗi tình xưa...
Từ Nguyễn viết vội bài thơ này, gọi là
chút cảm hoài cho mỗi tình dang dở ngày
ây bên sông Hương của nhạc sĩ. Mong sẽ
được nhạc sĩ và bạn bè đón nhận !

Người Thơ Năm Cũ (Thơ Từ Nguyễn do
Lê Mộng Nguyên phổ nhạc, với giọng ca
Quốc Duy và hòa âm Võ Công Diên) :

*Nàng thơ mắt biếc đã về đâu
Lá trúc vườn xưa mấy độ sầu
Mưa nắng bao mùa phai nhan sắc
Bên dòng sông lặng có chờ nhau ?*

*Mặt chữ điền xưa có hắt hiu ?
Có đôi hàng cau ngắm nắng chiều
Nhớ một người đi xa vạn dặm
Nợ suốt đời dài một chữ yêu !*

*Bến vắng bên bờ Vỹ Dạ xưa
Khóm tre còn đội nắng, che mưa ?
Người bao năm trước ngôi chải tóc
Bây giờ đã bạc mái đầu chưa ?
Thôn Vỹ chưa một lần về lại
Xa xôi còn đó những miệt mài
Hỏi thăm chùng cũng nghe ngần ngại
Nỗi màu má úa..., nỗi đời phai*

Nhạc Sĩ
Lê Mộng Nguyên
(Paris)

LA BOMBE

C'était un beau matin d'été
Le ciel était clair, les enfants dormaient encore
Dans leurs rêves de cerisiers blancs de neige
Ça ne ressemblait guère à Sodome et
Gomorrhe.
Elle se détachait des nuages de coton
L'enfant-née des Etats réunis
Sacrifiée au bout du continent rond
Si Einstein pouvait la blâmer ou la punir.

Comme un père Noël revenue de l'enfer
Maintenant que les gosses not cessé de pleurer
Ce cadeau merveilleux venu du ciel
Dans sa toile de velours argenté
Elle est descendue du paradis lointain
De tous ses mythes maudits de l'histoire
Ses enfants chantaient sur le même refrain
Leurs voix s'élevaient au bout de l'île noire.

Au fond du cratère de mille et une nuits
Elle se déployait les ailes de poudre et de fer
Pour s'envoler vers un monde couronné de vies
Elle vous a bien eus, vous étiez trop sincères.
Aucun roi ne voulait vivre avec elle
Dans la honte des nouvelles générations
Et aucun dieu ne voulait l'adopter
Dans son royaume que le diable a tant rêvé

Diễm Hoa

Hiroshima Août 80

«LES PLUS DÉSESPÉRÉS SONT LES CHANTS LES PLUS BEAUX»

Phạm Trọng Lê

Ai có ý thơ này đầu tiên? Người thích thơ ai cũng biết rằng câu thơ là của thi sĩ lãng mạn Pháp Alfred de Musset (1810-1857). Nhưng Musset có phải là người đầu tiên có ý thơ này không? Không hẳn hoàn toàn như vậy. Bài viết này nêu lên một nghi vấn: Có thể thi sĩ Musset trong bài La Nuit de Mai đã có một câu mà ý chính giống một câu thơ của nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley (1792-1822) trong bài thơ To a Skylark.

[Nguyên văn bài thơ To a Skylark và đoạn thơ La Nuit de Mai trong hai websites dưới đây:

To a Skylark :

www.poetryfoundation.org/poems/45146/to-a-skylark

La Nuit de Mai :

Poesie.webnet.fr/lesgrandsclassiques/poemes/alfred-de-musset/la-nuit-de-mai.html]

Trong những mẩu đối thoại với Nàng Thơ (La Muse) trong La Nuit de Mai, nhân vật Thi sĩ (Le Poète) nghe nàng khuyến khích chàng cầm đàn lên, ý nói cầm bút lên. Nàng thơ trách chàng thi sĩ rằng nàng muốn bút ngọan cỏ dại trong vườn kia mà nàng ví với sự chầy lười khiến chàng không còn cảm hứng sáng tác. Nàng nói: Không gì làm ta cao cả bằng

nổi đau đớn khôn cùng, « Rien ne nous rend si grands qu'une grande douleur. »

Khổ đến mấy cũng đừng để tiếng nói của chàng phải câm nín. Đó là đoạn đầu của câu chuyện ngụ ngôn được gọi là Allégorie du pélican trong đó có câu:

«Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.»



Alfred de Musset

Và câu chuyện đầy kịch tính bắt đầu bằng cảnh bò nông bố mỗi cánh từ ngoài biển trở lại bờ lau trong sương chiều, nhìn đàn con đói chạy ủa ra reo đón bố mang mồi ăn về. Nhưng tuyệt nhiên không kiếm được miếng mồi nào, bò nông bố như một ngư phủ u sầu, nó chậm rãi bước lên bờ đá cao, xòe

cánh che ấp đàn con, rồi phanh ngực mình moi ruột gan làm đồ ăn cho các con của nó. Trong câu chuyện này, theo Nàng Thơ— cũng là tiếng nói của Musset—Thi sĩ cũng chịu đau khổ khi tạo những vần thơ cho loài người, giống như chim bồ nông vậy, và đoạn thơ chấm dứt bằng những câu :

«Poète, c'est ainsi que font les grands poètes
Ils laissent s'égarer ceux qui vivent un temps;
Mais les festins humains qu'ils servent à
leurs fêtes
Ressemblent la plupart à ceux des pélicans.
Quand ils parlent ainsi d'espérances
trompées,
De tristesse et d'oubli, d'amour et de malheur,
Ce n'est pas un concert à dilater le cœur.
Leurs déclamations sont comme des épées:
Elles tracent dans l'air un cercle éblouissant;
Mais il y pend toujours quelque goutte de
sang.»

Thi nhân hỡi, khi mang tài nghệ,
Hiển cho người trần thế niềm vui.
Tạo thơ bao nỗi bụi ngùi,
Khác gì « tiệc máu » trút đời bồ nông.
Lời thơ tả nỗi lòng tê tái,
Nỗi buồn phiền, ân ái, khổ đau.
Tưởng đâu khúc nhạc giải sầu,
Lại là gương sắc nhiệm màu sáng trong.
Vạch không khí một vòng chói mắt,
Giọt máu hồng, lay lắt còn treo.

(Tô Giang Tử (Nguyễn Quang
Nhạ) dịch, sách dẫn bên dưới, p. 338)

Theo Nàng Thơ, khi thi sĩ mang tài nghệ hiển cho đời, lời thơ là sự cô đọng của đau đớn, thống khổ, như bữa tiệc bồ nông xả gan ruột mình cho các con ăn. «Mais il y pend toujours quelque goutte de sang.»

Theo trường phái lãng mạn, và theo gs Robert Fotsing-Mangoua, thuộc đại học Dschang (Cameroun)*, ý niệm rằng sự đau khổ là động lực của sự sáng tạo được gói ghém trong hai câu đã ghi ở trên của Musset:

Les plus désespérés sont les chants les plus beaux
Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots.

Cũng theo wikipedia, Alfred de Musset viết La Nuit de Mai, năm 1835. Nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley viết bài tụng ca (Ode) To a Skylark năm 1820, gồm 21 stanzas trong đó stanza 18 có những dòng thơ:

**We look before and after,
And pine for what is not.
Our sincerest laughter
With some pain is fraught
Our sweetest songs are those that tell
of saddest thought.**

(To a Skylark, 1820)

(Chúng ta hướng về tương lai/ ngoái nhìn về quá khứ/khát khao những gì không có/Ấn trong tiếng cười ròn rã/là niềm đau xót khôn nguôi/Những lời êm dịu ngọt ngào/lại là lời thật buồn bã).

Trong bài thơ này, Shelley tả giọng ca của con chim chiến chiến skylark như một con chim thần, vút cao tiếng hót trời ban từ những đám mây cầu vồng bầy sắc trên cao trải xuống trái đất những giai điệu tuyệt vời.

(What thou art we know not;
What is most like thee?
From rainbow clouds there flow not
Drops so bright to see

As from thy presence showers a rain of melody)



Percy Bysshe Shelley

Tiếng hát của chim chiền chiện đem lại niềm hy vọng và hạnh phúc cho loài người mà họ không biết và thi sĩ muốn chim dạy cho mình cách diễn tả bằng lời thơ tiếng hát mình đang lắng nghe trong như dòng suối pha lê (« How could thy notes flow in such a crystal stream?»).

(Teach me half the gladness
That thy brain must know,
Such harmonious madness
From my lips would flow
The works should listen then, as I
am listening now.)

Câu thơ của Musset xuất hiện **sau câu thơ của Shelley 15 năm**.
Vậy Musset có thể đã mượn ý từ câu thơ của Shelley?

Musset chọn bối cảnh chim bồ nông moi ruột mình cho các con ăn; Shelley tả chim chiền chiện đem tiếng hát thiên thần làm vui lòng người. Cả hai cùng tả người thi sĩ sáng tạo lời thơ đem vui thú cho con người.

Hai câu có vài điểm **tương đồng** :

<u>Musset</u>	<u>Shelley</u>
Chants	songs
Désespérés	fraught
Immortels	sincerest laughter
Purs sanglots	saddest thought
Les chants les plus beaux	our sweetest songs

Hoàn cảnh sáng tác có thể không giống: Shelley viết bài To a Skylark vào một buổi tối tháng sáu 1820 sau khi nghe tiếng chim chiền chiện hát khi cùng vợ là Mary Shelley (tác giả cuốn Frankenstein), cùng nhau đi dạo ở Leghorn bên Ý. Ngày 8 tháng July, 1822, còn 1 tháng nữa thì được 30 tuổi, Shelley bị đắm thuyền chết đuối ở Vịnh Spezia thuộc Sardinia (Italy). Musset lúc đó mới 12 tuổi. Musset viết đoạn đối thoại La Nuit de Mai cùng mấy đoạn đối thoại khác khi đang trải một khủng hoảng vì mối tình sôi nổi với nữ văn sĩ George Sand ở Venise trong khoảng thời gian hè 1833 - tháng Ba 1835. Năm 1835 cũng là năm Musset viết La Nuit de Mai. Shelley và Musset cả hai cùng thuộc phái lãng mạn, công tử ăn diện bánh bao đúng mốt, sống hết mình đến mức trụy lạc (dandy débauché). Cùng đọc nhiều từ khi còn niên thiếu, Musset đỗ giải nhì concours general môn luận văn Latin mới 17; sau được vào hàn lâm viện Pháp cùng lúc với văn hào Balzac. Shelley học ở Eton và trong khi

ở Oxford, người sau kể lại chỉ nghe giảng một lần nhưng hàng ngày thường đọc sách tới 16 tiếng, sau bị đuổi năm 1811 vì viết cuốn sách mỏng *The Necessity of Atheism*. Shelley có thể coi như ngoài William Wordsworth, một lý-thuyết gia của trường phái romanticism tại Anh (tác giả *A defense of Poetry* trong đó ông cho rằng « poets are the unacknowledged legislators of the world ») và như Musset, cũng có mộng lớn về trách nhiệm của thi sĩ. Và ở hai câu trích trong bài, cả hai thi tài gặp nhau ở điểm chung là thơ là kết quả của sự đau khổ trần trọc của thi sĩ.

Thi sĩ Tô Giang Tử đã quảng diễn ý niệm của Musset rằng sự đau khổ như động lực chính cho sự sáng tạo trong bài « Tâm trạng Thi nhân »:

*Vất não làm thơ cống hiến đời
Nhưng đời nào hiểu tưởng trò chơi
Mông lung cảm hứng, so vẫn, điệu,
Khắc khoải trầm tư lựa ý, lời...
Gọi khổ tha nhân, tâm thốn thức,
Khơi sâu vụn cổ, lệ đầy vơi...
Chen vai, sát cánh trên trần thế,
Mặc khách, tao nhân có mấy người ?*

Tô Giang Tử
(Trích trong Tuyển Tập Thi Phẩm
(McLean, VA, 1981, p. 465)

Vì ảnh hưởng sâu đậm của thơ Pháp trong chương trình học ở Việt Nam, hai câu thơ đáng nhớ nhất của Musset đã được một số văn thi sĩ/ dịch giả chuyển sang thơ Anh và thơ Việt. Vài tiêu biểu:

Nguyên văn:

***Les plus désespérés sont les chants
les plus beaux***

***Et j'en sais d'immortels qui sont de
purs sanglots***

(Alfred de Musset, *Nuit de Mai*, 1820)

**1-The sweetest songs are those that
sing of saddest thought
Some memorable ones I know that are
pure sobs.**

(Clare Nicolas White, trans. "A Night in May", 1989 in Katharine Washburn and John S. Major, eds. *WORD POETRY*. New York: W.W. Norton. Book-of-the-Month Club, Inc. 1998, p. 753.) Dịch bài *La Nuit de Mai* sang thơ Anh.

**2-Best are the songs most desperate
in their woe—**

Immortal ones, which are pure sobs I know.

(Source: Translation from Alfred de Musset. <https://quod.lib.umich.edu/a/amverse/BAK3042.0001.001/1:29?rgn=div1> p. 239.) Dịch sang thơ Anh những bài *La Nuit de Mai* (p. 238-239) và *La Nuit d'Octobre* (pp. 241-253).

**3- Càng thất vọng thơ càng tuyệt diệu
Nức nở vẫn, nhạc điệu ngàn thu.**

(Tô Giang Tử, Tuyển Tập Thi Phẩm. McLean, VA., 1981, p. 337.)
Dịch bài *La Nuit de Mai* sang thơ Việt.

**4- Những gì tuyệt vọng trên đời
Là lời hát thật tuyệt vời tung bay
Trong thiên thu với ngàn mây
Nghe như nức nở vơi đầy đau thương**

(Anh Độ Đỗ Cẩm Khê, Hương Tinh: Thơ, Falls Church, VA: Phổ Thông, 1995, p. 37.)
Chỉ dịch hai câu của Musset.

5- Tuổi đẹp nhất những bài ca tuyệt vọng Vang ngàn thu tiếng nước nở não nùng.

(Trần Mai Châu, Thơ Pháp Thế Kỷ XIX, TP HCM: Nxb Trẻ, 1995, p. 91).
Dịch giả Trần Mai Châu, ngoài La Nuit de Mai, còn dịch La Nuit d'Aou[^]t, và La Nuit d'Octobre, sang thơ Việt, pp. 86-105.

6- Lời thơ tuyệt vọng ở đời Là bài ca đẹp tuyệt vời khó quên Lời thơ bất hủ lưu truyền Là lời than khóc nỗi niềm thương đau

(Hà Bình Trung, "Sơ Lược Thi Ca Pháp Quốc Qua Các Thời Đại," in trong Tập san Văn Phong, số 5 & 6, 1-1-2000, tr. 27).
Chỉ dịch hai câu của Musset.

=>**Giới hạn của bài viết:** Tuy bài viết này có nêu nghi vấn rằng Alfred de Musset trong bài La Nuit du Mai có thể đã mượn ý thơ của Percy Bysshe Shelley trong bài To a Skylark nhưng, để lập luận được vững vàng hơn, cần có thêm tài liệu (như thư riêng, nhật ký, hay thư từ của những bạn thân, hay bản nháp bài thơ còn giữ lại, hay hồi ức của hai nhà thơ này, nhất là những tài liệu về tiến trình sáng tạo bài thơ La Nuit de Mai, nhất là những năm 1833-1835 của Musset. Nếu không thì hai câu thơ của Musset và Shelley, tuy viết ở hai thời điểm khác nhau, và có những điểm tương đồng, chỉ có thể coi là một sự trùng hợp văn chương ngẫu nhiên. Sự tiếp tục tìm tòi khảo cứu có thể là một đề tài cho một tiểu luận senior thesis của sinh viên văn chương?

Additions. Nhạc

-Ruggiero Leoncavallo, La Nuit de Mai.
Nello Santi, conductor (1886)

<http://www.youtube.com/watch?v=ARxU8CaIVQ>

-Placido Domingo sings "La Nuit de Mai" by Leoncavallo, Lang Lang, pianist. Orchestra Teatro Comunale di Bologna, Alberto Veronesi, conductor.

http://www.youtube.com/watch?v=f3HIT9i8U_E
Note: Youtube này nghe không rõ.

- en.m.wikipedia.org/wiki/Percy_Bysshe_Shelley
- fr.m.wikipedia.org/wiki/Alfred_de_Musset

-*Tóm tắt ý chính được tả kỹ hơn dưới đề tài "rapport entre la souffrance et la poésie," trong bài Allégorie du Pélican, của M. Robert Fotsing-Mangoua, professeur à l'université de Dschang (Cameroun).

- michel-parpere.pagesperso-orange.fr/pedago/sq4_poesie/GT4/docs/01_Musset_cours.pdf

- <https://www.cliffsnotes.com/literature/s/shelleys-poems/summary-and-analysis/to-a-skylark>.

Học sinh hay sinh viên văn chương thường dùng bộ CliffNotes để giúp nhớ những nhân vật và chi tiết trong một tác phẩm.

-Viết xong tại Virginia, August 20, 2017



PTLệ



RỪNG MƠ

Hôm nay nắng chưa về
 Mưa phùn dài lê thê
 Áng mây giăng đầu ngõ
 Gió bay thổi tóc thề
 Chiều thu trong rừng vắng
 Lá khô rơi từng cánh
 Trong không gian trầm lắng
 Ta yêu ngày có mưa
 Thác rơi đẹp nào nề
 Đôi ta chung bước về
 Con đường mòn bên sông
 Nước chảy theo đời thông
 Xa xa đằng trước mặt
 Cặp nai vàng thủng thẳng
 Cùng nhau vui nhớn nhor
 Lá vàng đẹp cảnh thơ
 Hương lòng ta lâng lâng
 Tình ta trải mênh mông
 Như nai vàng bên suối
 Ta nhẹ gót rừng mơ

Cảm hứng sau khi đi Great Falls

Diệm Trân

BÀI TANGO ĐÊM GIÁNG SINH

*Chút gì chợt đến rồi đi
 Ôi buồn như vết chim di xa ngàn
 Lá buồn chiếc cuối bay sang
 Âm thầm như thể đồ ngang không người.*

*Như em, xây mộng bằng đời
 Còn anh, xây mộng bằng lời thế gian
 Phút đầu, xao xuyên ngõ ngang
 Tơ duyên là nổi bể bàng... khó quên.*

*Đêm huyền chân ngọc ướm mềm
 Noel hương ngát, thoáng miền dấu môi
 Tango dịu dặt gọi mời
 Nghe trong ánh mắt, buồn chơi vơi buồn..*

*Vòng tay, điệu nhạc quay cuồng
 Đền lung linh bóng, rượu lâng lâng tàn
 Bên em, say đắm dịu dàng
 Tình chưa hò hẹn, lệ tràn thấm tim...*

VA, Christmas Eve, 2003

Bùi Thanh Tiên



TANGO (T.115) **Bài Tango đêm Giáng Sinh.** Họa: Bùi Thế Tiến
Nhạc: Đinh Hùng

Am c F ET Am 9

(Intro...)

Am c F ET Am

...) Cứ ngỡ chợt đến rồi đi ! ôi buồn như vết chim đi xa ngàn . Lá

bướm chực cuối bay sang . Âm thầm như thể đó ngang không ngờ như

em xây mộng bồng dề . Con Anh xây mộng bồng lời thề ngàn phút

đâu xa xuyên ngõ vắng . Tờ duyên là rồi về bồng khó quên . Đêm

huyền như ngọc vết năm . Nổi hương ngọt thoả niềm đầu mơ . Tan-

-go đều dặt giờ mới . Nghe trong ánh mắt buồn chờ với buồn ! Vong

tay ở trên nhạc quay cuồng . Bên lưng liếc bóng rười rượi lầy lầy tàn . Bên

em say đắm điệu dang . Tình chưa hề hen lệ tràn thắm tím. (cuối)

Bên Em say đắm điệu dang Tình chưa hề hen lệ tràn thắm tím.

SƠ LƯỢC NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM TIỀN BÁN THẾ KỶ 20

+++++

Tạ Quang Khôi

Nói tới nền văn học của một nước dù chỉ nửa thế kỷ trong một bài ngắn chúng tôi sẽ nông cạn, hời hợt, nhất là văn học nửa thế kỷ đầu 20 của Việt Nam rất phong phú. Vì thế, chúng tôi cố gắng chỉ nói tới những điểm chính, quan trọng. Dù vậy, chúng tôi vẫn tin là sẽ thiếu sót rất nhiều. Dám mong quý vị thông cảm và lượng thứ.



Nền văn học Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ 20 rất quan trọng trong văn học sử. Sau gần mười thế kỷ, chúng ta phải mượn chữ Hán làm chữ viết chính để sáng tác và để dùng trong các kỳ thi tuyển chọn nhân tài. Chữ Nôm, được Hàn Thuyên, đời nhà Trần, sáng chế vào thế kỷ thứ 13, cũng chỉ là một thứ chữ ghép chữ Hán để có thể phát âm tiếng Việt Nhưng chữ Nôm không thông dụng vì không được triều đình dùng trong các khoa thi. Chỉ có Quang Trung đại đế, triều đại Tây Sơn muốn đề cao tinh thần tự chủ đã mở khoa thi tuyển nhân tài bằng chữ Nôm. Nhưng triều đại này quá ngắn, nên chưa gây được ảnh hưởng gì trong dân gian. Trong khi



đó, các nhà nho còn dè bĩu, chề là “nôm na mach què”.

Đến đầu thế kỷ 20, văn học Việt Nam có nhiều biến chuyển quan trọng.

Trước hết là việc dùng chữ quốc ngữ mẫu tự La Tinh để sáng tác. Chúng ta đều biết rằng loại chữ này đã được một nhóm các tu sĩ Thiên Chúa giáo người Tây phương sáng chế vào giữa thế kỷ 17 với mục đích truyền đạo mà người có công nhất là linh mục Alexandre de Rhodes. Đến giữa thế kỷ 19, Pétrus Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên

dùng loại chữ này để viết sách. Nhưng vào hồi đó, Hán học còn thịnh, người ta không chú ý đến sách của ông, dù có những cuốn rất giá trị, như Kim Vân Kiều của Nguyễn



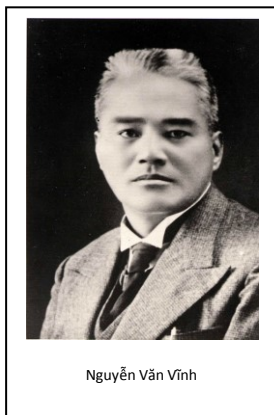
Phạm Quỳnh, chủ bút trẻ của tạp chí Nam Phong

Du, Đại Nam Quốc Sử Ký Diễn Ca...

Một biến chuyển khác cũng rất quan trọng là việc triều đình Huế bãi bỏ các kỳ thi Hán Học. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc kỳ là năm Ất Mão (1915) và ở Huế là năm Mậu Ngọ (1918). Trong kỳ thi Mậu Ngọ này, các thí sinh đã phải làm những bài thi bằng chữ quốc ngữ, như luận, toán và sử địa. Không những thế, Pháp văn cũng đã được dùng để khảo hạch thí sinh. Rồi năm Kỷ Mùi (1919) là khóa thi Hội cuối cùng ở Huế mà cũng là khóa thi cuối cùng trên toàn quốc. Như vậy là Hán học đã thực sự cáo chung. Còn thi cử còn người theo học, không thi nữa, người ta học để làm gì?

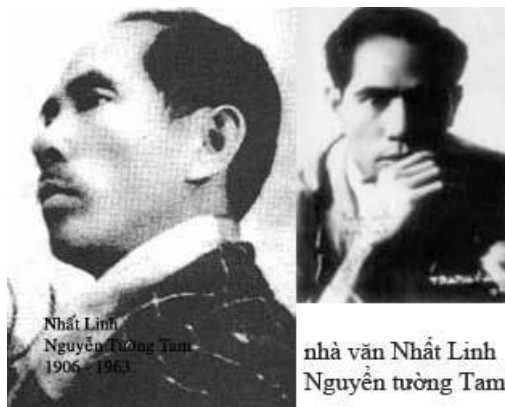
Khi Hán học suy tàn, chữ quốc ngữ được trọng dụng. Thật ra, học chữ quốc ngữ dễ hơn học chữ Hán rất nhiều. Người ta chỉ cần ba hay bốn tháng đã có thể đọc sách báo được.

Năm 1913, Nguyễn Văn Vĩnh xuất bản **Đông Dương Tạp Chí**, mở đầu một giai đoạn mới trong nền văn học Việt Nam. Đông Dương Tạp Chí là một tờ tuần báo, ban biên tập gồm cả những người Tây học cũng như Hán học. Đến giữa năm 1917,



Phạm Quỳnh phát hành tờ nguyệt san **Nam Phong tạp chí**, Cả hai báo đều đặt tòa soạn ở Hà Nội và được coi như hai luồng gió mới thổi vào nền văn học Việt Nam khiến cho chữ quốc ngữ phát triển nhanh

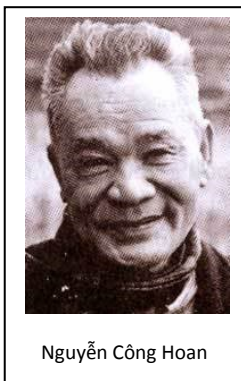
chóng hơn. Người ta thấy đã có nhiều nhà văn, nhà thơ xuất hiện. Các thi sĩ nổi tiếng vào buổi đầu ấy là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Tương Phố, Đông Hồ, Mộng Tuyết... Vào thập niên 1920, hai nhà văn viết tiểu thuyết dài xuất hiện trên văn đàn là Song An Hoàng Ngọc Phách với tác phẩm **Tổ Tâm**, xuất bản năm 1922 và Hồ Biểu Chánh với nhiều tác phẩm, như : **Cay Đắng Mùi đời, Chút Phận Linh Đình, Tỉnh Mộng...** đã số đăng trong Phụ Nữ Tân Văn ở trong Nam.



Thập niên 1930 là thời kỳ mà nền văn học Việt Nam phát triển đến cùng cực. Gần bảy mươi nhà văn xuất hiện với những tác phẩm giá trị. Nhiều nhóm văn học hay văn đoàn đã được thành lập với những chủ trương khác nhau. Nổi bật nhất là Tự Lực Văn Đoàn với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng... hô hào cải cách xã hội; nhóm Hàn Thuyên với Trương Tửu Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Đức Quỳnh... chủ trương cách mạng theo đường lối của đệ tứ quốc tế... Giai đoạn này có thể coi như giai đoạn “Trăm hoa đua nở” của nền văn học Việt Nam. Việc “hoa đua nở” cũng nhờ một

phần ở thủ tướng Pháp Léon Blum có khuynh hướng xã hội, nói lỏng phần nào vòng kiểm soát thuộc địa, cho báo chí được một chút tự do ngôn luận. Trong bài này, vì số trang có hạn, chúng tôi chỉ xin nhắc lại một vài điểm đặc biệt.

Trước hết, có thể coi như nổi bật nhất trong thời kỳ này là chuyện cải cách xã hội, phần đối tệ nạn mẹ chồng hành hạ con dâu, coi con dâu như đây tở. Nhà văn Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn viết truyện Đoạn



Nguyễn Công Hoan

Tuyệt để hô hào bãi bỏ hủ tục làm dâu. Loan là một cô gái mới, có học nên có tư tưởng tiến bộ, phải vâng lời cha mẹ để lấy Thân, con bà Phán Lợi. Thân ít học và nhu nhược, chỉ biết nghe lời mẹ. Hai vợ chồng không hợp nhau nên gia đình lúng củng dù Loan đã cố gắng chịu đựng. Rồi trong một buổi tối, có chuyện xích mích xảy ra giữa mẹ chồng con dâu, bà Phán đánh Loan, nàng chỉ né tránh, không dám phản ứng lại. Nhưng trong khi né tránh nàng đã vô ý làm bà té. Thân tưởng vợ đánh mẹ nên nhảy vào can thiệp. chàng lấy một chiếc lọ đồng để làm khí giới. Loan hoảng sợ phải vợ vội lấy một con dao díp rọc giấy để tự vệ. Trong khi giằng co, nàng ngã xuống giường, Thân cũng mất trớn, ngã theo, nằm đè lên con dao vợ đang cầm, không ngờ dao đâm trúng tim.

Khi ra tòa, Loan được trắng án vì không cố ý giết chồng. Nhưng độc giả thắc mắc không lẽ muốn giải quyết nạn làm dâu trong xã hội Việt Nam người ta phải dùng tới biện pháp tàn bạo như vậy, dù chỉ là vô ý?

Trong khi đó, cũng đề cập tới chuyện mẹ chồng con dâu, nhà văn Nguyễn Công Hoan viết truyện **Cô Giáo Minh** để bày tỏ quan điểm của mình. Cuộc đời làm dâu của cô giáo Minh cực khổ ngay từ lúc làm đám cưới. Mẹ chết, không được lo việc ma chay cho mẹ, phải mặc áo cô dâu để về nhà chồng trong một đám cưới chạy tang. Nhưng cuối cùng, tác giả cho cô giáo Minh hòa thuận với nhà chồng trong tinh thần đại gia đình. Minh tỏ ra là một người rất chịu đựng và cao thượng. Cô



Lê Văn Trương

không hề thù ghét những người đã hành hạ cô. Không những thế, khi trúng số một vạn đồng lại đem nửa số tiền đó ra để cứu gia đình cô em chồng, người đã từng hành hạ cô khi chưa ở riêng, và nửa kia đứng tên mẹ chồng tặng một hội thiện. Vào thập niên 1930 một vạn bạc (10 ngàn đồng) là một tài sản rất lớn. Lương công chức cao cấp chỉ hơn một trăm. Cái cao thượng của cô giáo Minh nhiều người cho là không đúng thực tế. Phải chăng Nguyễn Công Hoan muốn đề cao nghề dạy học vì chính ông cũng là một nhà giáo? Thật ra, nghề

nào cũng có người tốt người xấu, nhưng nếu đề cao một người quá mức sẽ trở thành lối bịch và xa thực tế.

Muốn cải cách một xã hội mà hai tác giả đã nêu lên hai giải pháp khác hẳn nhau. Một đảng thì quá khích, dù chỉ là vô ý đâm chết chồng; một đảng thì chịu đựng quá sức tưởng tượng như không còn nhân phẩm nữa. Chuyện mẹ chồng hành hạ con dâu là một khía cạnh của nền văn hóa cổ Việt Nam đã có từ nhiều thế kỷ không thể nhất thời mà hủy bỏ ngay được, vì còn tùy thuộc ở tâm lý con người và hoàn cảnh xã hội. Không phải cứ đi học và có tư tưởng mới là có thể theo mới được. Mấy chục năm sau này, nhiều gia đình vẫn còn lúng túng về chuyện mẹ chồng con dâu.

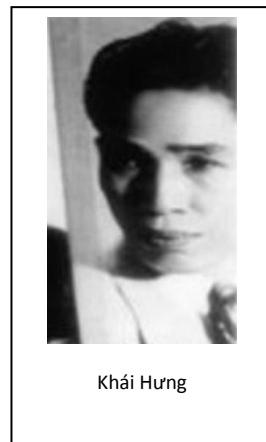
Đó là cuộc tranh chấp mới cũ được các nhà văn đề cập tới trong những năm của thập niên 30. Nhưng không phải tất cả các nhà văn, nhà thơ trong thời kỳ đó quan tâm đến cuộc tranh chấp này. Nhiều nhà văn có những khuynh hướng khác nhau. Ví thế, nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan đã xếp loại các nhà văn theo khuynh hướng của họ như sau : phong tục, luận đề, luân lý, truyền kỳ, phóng sự, hoạt kê, tả chân, xã hội, tình cảm, v.v...

Chúng tôi chỉ có thể đề cập tới một số nhà văn tiêu biểu của giai đoạn đó mà thôi, dù rằng nhiều nhà văn hay nhà thơ khác cũng có nhiều giá trị.

Trước hết, chúng tôi xin nói tới Khái Hưng mà Vũ Ngọc Phan xếp vào loại các nhà văn có khuynh hướng viết về phong tục. Trong Tự Lực Văn Đoàn, Khái Hưng là người được độc giả hâm mộ không thua gì Nhất Linh. Ông đã xuất bản nhiều tác

phẩm, như : Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chùng Xuân, Tiều Sơn Tráng Sĩ, Đẹp.... Văn của ông nhẹ nhàng, trong sáng. Nhiều người cho rằng ông đã bị ảnh hưởng lối văn của Alphonse Daudet, một nhà văn Pháp sống vào cuối thế kỷ 19. Hồi đó, có người thắc mắc tại sao Khái Hưng cùng chí hướng với Nhất Linh và Hoàng Đạo lại không có tính cách tranh đấu như hai nhà văn này? Cho mãi đến khi Việt Minh cướp chính quyền vào tháng 8 năm 1945 ông mới trở thành một nhà báo tranh đấu quyết liệt. Với bút hiệu “Chàng Lẩn Thẩn” ông đã viết những bài phiếm luận trong báo Việt Nam của Việt Nam Quốc Dân Đảng để đả kích cộng sản. Lối viết của Chàng Lẩn Thẩn rất độc đáo, tế nhị và sắc bén đến nỗi các chuyên viên tuyên truyền cũng như các nhà báo của Việt Minh không thể đối đáp được, đành giữ im lặng. Có lần chúng phải đem công an tới tấn công tòa báo ở phố Quan Thánh, Hà Nội. Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào cuối tháng 12 năm 1946, Gia đình Khái Hưng phải tản cư về phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Ông liền bị Việt Minh bắt rồi cho vào bao tải dìm xuống sông Cựa Gà thuộc huyện Trực Ninh cho chết.

Khái Hưng ít làm thơ, nhưng bài thơ ông dịch dưới đây được nhiều người ca tụng:



Khái Hưng

Tình tuyệt vọng

**Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.
Tình tuyệt vọng, mối thảm sầu,
Mà người gieo thảm như hâu không hay.
Hỡi ôi, người đó, ta đây,
Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân?
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng để dấm một lần hé môi.
Người dù ngọc nói, hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen.
Đường đời lạng lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình.
Một niềm tiết liệt đoan trinh,
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Ngậm ngùi lòng tự hỏi lòng,
Người đâu ta ở những dòng thơ đây?**

(Sonnet d'Arvers)

Người thứ hai chúng tôi nhắc tới là nhà văn Lê Văn Trương. Ông được Vũ Ngọc Phan xếp vào khuynh hướng luân lý. Văn của họ Lê không có gì đặc sắc mà luân lý của ông cũng không phải là một thứ luân lý cao siêu, chỉ là những điều giáo huấn bình thường, như tôi phải trung với vua, vợ phải hết lòng với chồng, con phải có hiếu với cha mẹ... Nhưng ông có một biệt tài là viết rất nhanh và rất nhiều, một tháng có thể xuất bản mấy cuốn sách. Ông được các độc giả bậc trung rất ái mộ. Những tác phẩm nổi tiếng của ông là: Trường Đời, Người Anh Cả, Tôi là Mẹ, Lòng Mẹ, Cô Thơm, Một Lương Tâm Trong Gió Lốc... Thời đó, vì ông giảng đạo đức nhiều quá, một số nhà phê bình gọi ông là một “Người Hùng”.

Sau này, chúng tôi có hân hạnh được gặp “Người Hùng” ở Saigon, nhưng tiếc rằng ông đã lẩn nên chúng tôi không học hỏi được điều gì mới lạ về kỹ thuật viết tiểu thuyết của ông. Suốt ngày ông chỉ đi tìm và nói chuyện về một bản thảo bị thất lạc. Ông cho rằng nếu bản thảo này được in thành sách có thể sẽ được giải thưởng Nobel về văn chương. Nhưng chính ông cũng không nhớ tựa đề cuốn sách đã viết xong.

Nhà văn tiền chiến thứ ba chúng tôi nói đến ở đây là Nguyễn Tuân. Vũ Ngọc Phan xếp Nguyễn Tuân vào khuynh hướng Bút ký. Tác phẩm của ông gồm có: Vang Bóng Một Thời, Chiếc Lư Đồng Mắt Cua, Một Chuyến Đi, Thiếu Quê Hương...

Vũ Ngọc Phan nhận xét về Vang Bóng Một Thời như sau:

Tác phẩm đầu tay của ông là một văn phẩm gần tới sự toàn thiện toàn mỹ. Đó là tập Vang Bóng Một Thời (Tân Dân – Hanoi, 1940).

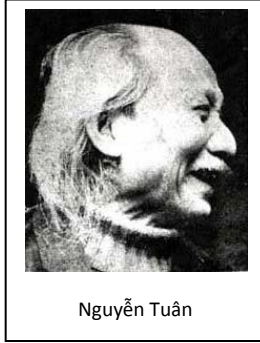
....

Đọc “Vang Bóng Một Thời” của Nguyễn Tuân, người ta cũng có một cảm tưởng gần giống như những cảm tưởng trong khi ngắm một bức họa cổ. Gần giống, vì họa sĩ, tác giả bức cổ họa, là người thời xưa có cái óc của thời mình và có những nét, những màu của thời mình; còn tác giả “Vang Bóng Một Thời” chỉ là người khơi đóng tro tàn của dĩ vãng để bày lại trước mắt ta những cái ta đã biết qua hay chưa biết rõ.

(Nhà Văn Hiện Đại, Quyển ba, trang 6)

Cuối cùng, Vũ Ngọc Phan kết luận về Nguyễn Tuân như sau:

Chỉ người ưa suy xét đọc Nguyễn Tuân mới thấy thú vị, vì văn Nguyễn Tuân không phải thứ văn để người nông nổi thưởng thức. Một ngày không xa, khi mà văn chương Việt Nam được người Việt Nam ham chuộng hơn bây giờ, tôi dám chắc những văn phẩm của Nguyễn Tuân sẽ còn có một địa vị xứng đáng hơn nữa.



Nguyễn Tuân

Nhưng tiếc rằng khi người Việt Nam ham chuộng văn chương Việt Nam thì Nguyễn Tuân đã đi theo cộng sản để viết những bài tuyên truyền rẻ tiền và trơ trẽn, xa hẳn sự thật. Về cuộc tấn công của Việt cộng vào Tết Mậu Thân năm 1968, tất cả dân miền Nam đều biết Việt cộng đã thất bại nặng nề, vậy mà Nguyễn Tuân viết bút ký ca tụng “thắng lợi vĩ đại” của cộng sản trong trận tổng tấn công này. Trong bài bút ký “Saigon Tổng Mỹ”, in trong Tuyển Tập Nguyễn Tuân, quyển 2, trang 247, do Nhà Xuất Bản Văn Học ở Hà Nội ấn hành năm 1982, Nguyễn Tuân đã ca tụng sự thắng lợi tưởng tượng của quân Việt cộng như sau:

Tết năm nay to quá, miền Nam ta đánh to quá. Tấn công và nổi dậy khắp bốn mươi ba thành và thị, và hàng trăm thị trấn miền Nam thiết lập chính quyền cách mạng. Diệt năm vạn địch (trong số này có một vạn viễn chinh Hoa Kỳ và tiêu tan hai mươi vạn quân ngụy). Cùng là phá hủy độ ngàn rưởi máy bay. Và vân vân và hàng hà sa số súng trường đạn một và xăng dầu. Chiến thắng quân xâm lược,

cách đây 179 cái Tết, chúng ta đã có trận Đống Đa với ngày mừng 5 tháng giêng lịch sử.

(trang 247)

Dân miền Nam đều biết rằng cuộc tấn công của Việt cộng vào phi trường Tân Sơn Nhất đã hoàn toàn thất bại trước sức phản công mãnh liệt của quân đội Việt Nam Cộng Hòa dưới quyền chỉ huy của đại tá không quân Lưu Kim Cương. Đại tá Cương đã hy sinh vì nước trong trận này.

Mời quý bạn đọc tiếp những lời tuyên truyền rẻ tiền của “nhà văn lớn”;

Vào cùng lúc ấy, xuân lửa giữa Sài Gòn đang đốt đầu các thứ tay sai Mỹ. Mới nghe súng nổ, Thiệu tướng Kỳ bắt đầu lật đổ mình, Kỳ cũng tướng Thiệu nó bắt đầu chơi mình, cả chánh tổng lẫn phó tổng, không đứa nào bảo đứa nào, cả hai thằng cùng tẩu vọt cả, mỗi thằng biến một hướng. Thế rồi lửa bốc cháy quanh hàng rào dinh độc lập và lực lượng khởi nghĩa tung hoành tại giữa dinh. Thế rồi sân bay Tân Sơn Nhất bị đánh ba mặt, bị cháy ba mặt. Thế rồi Đài Sài Gòn sập. Thế rồi liền liền quân khởi nghĩa đánh chiếm Bến Đá, Chú Lá, Phú Nhuận, Cây sung, Hàng Sanh, Hàng Thai, Khánh Hội. Và ngã năm Chuồng Chó và ngã tư Bảy Hiền giết và bắt các thứ lính Mỹ...

(Trang 248 và 249)

Ai đã ở Saigon lâu năm có biết hai địa danh Chú Lá và Hàng Thai ở đâu không? Điều này chứng tỏ “nhà văn lớn” chỉ “nghe hơi nôi chõ” rồi viết bậy bạ, đúng là một cán bộ tuyên truyền hạ cấp của cộng sản. Đến đây, chúng tôi xin ngưng nói về Nguyễn Tuân để bạn đọc khỏi bực mình. Thật ra không riêng gì Nguyễn Tuân mà mà

hầu hết những nhà văn, nhà thơ đi theo cộng sản đều trở thành những tên bồi bút đáng khinh bỉ, chẳng hạn như Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Thanh Tịnh... Nhưng việc nhận xét về những tên bồi bút đó không thuộc phạm vi của bài này.



Trần Đà

Về thơ, ở bất cứ thời đại nào chúng ta cũng có nhiều thi sĩ. Có người đã nhận xét rằng tất cả người Việt Nam đều có tâm hồn thi sĩ. Theo Hoài Thanh - Hoài Chân trong “Thi Nhân Việt Nam”,

vào giai đoạn đó, chúng ta có hơn bốn mươi nhà thơ. Chúng tôi chỉ có thể nhắc tới mấy thi sĩ đặc biệt, như Trần Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Phan Khôi, Thế Lữ, Xuân Diệu.

Trần Đà Nguyễn Khắc Hiếu được coi như một thi sĩ của buổi giao thời giữa cũ và mới. Ông là người bất đắc chí, sống một cuộc đời long đong, lận đận với nghiệp văn chương báo chí. Thơ văn ông lúc nào cũng bàng bạc một nỗi buồn. Vì cuộc đời lận đận ông có nhiều giấc mộng, cả lớn lẫn nhỏ, nhưng chẳng giấc mộng nào thành sự thật nên ông thất chí, trở thành ngông. Có lần ông dám viết thư lên Trời để hỏi vợ, bị Trời mắng:

**Cớ làm sao suồng sã dám đưa thơ?
Chốn thiên cung ai kén rể bao giờ?
Chỉ những sự vắn vơ mà giấy má.
Chức Nữ tào tòng giai tế giá,
Hằng Nga bất nại bão phu miên.**

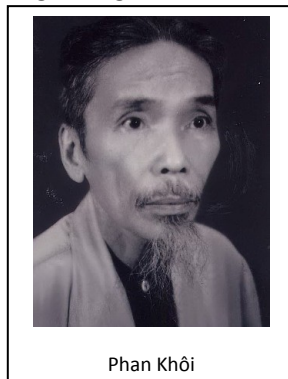
Ngay đầu cuốn “Thi Nhân Việt Nam” Hoài Thanh – Hoài Chân đã cung kính viết như sau:

Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái thung dung. Đời Tiên sinh tuy bơ vơ, hồn Tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước...

(Thi Nhân Việt Nam, trang 6)

Vũ Ngọc Phan trong “Nhà Văn Hiện Đại” nhận định về Trần Đà như sau:

Trong số các thi gia Việt Nam hiện đại và thuộc lớp tiền phong, Trần Đà là một nhà thơ điển tả đúng nhất tâm hồn Việt Nam; ông đáng làm tiêu biểu lớp người bực



Phan Khôi

trung nước ta; bao nhiêu những điều ao ước, những nỗi băn khoăn, những sự chán nản của hạng người này, người ta đều thấy trong lời thơ ông...

...

Phần nhiều thơ của Trần Đà đều buồn. Thơ tình của ông là thơ của người khao khát tình yêu; thơ rượu, thơ chơi của ông là thơ của người chán đời, của người phải tìm những thú vui để khuây khỏa; mà chán đời cũng chỉ vì đời chán mình, đời không chiều mình; rồi nhất là ông có lòng tin ngưỡng...

(Nhà Văn Hiện Đại, trang 223, 224)

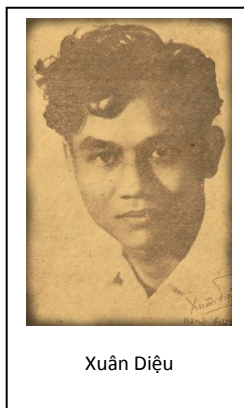
Nhà thơ thứ hai cần nhắc tới là Phan Khôi. Thật ra, Phan tiên sinh viết văn xuôi nhiều hơn làm thơ. Nhưng ông lại là người làm bài thơ mới đầu tiên ở nước ta, tuy ông là một nhà nho. Bài thơ “Tình Già” đã đi vào văn học sử Việt Nam, dù không phải là tuyệt tác nhưng mọi người đều phải ghi nhớ. Chúng tôi xin chép lại nguyên văn cả bài:

**Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ,
Hai cái đầu xanh kề nhau than thở
- Ôi, đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn là không đặng.
Để đến nỗi tình trước, phụ sau,
Chi cho bằng sớm liêu mà buông nhau.
- Hay ! Nói mới bậy làm sao chớ,
Buông nhau làm sao cho nở.
Thương được chừng nào hay chừng nấy.
Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy.
Ta là nhân ngãi,
Đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung?
Hai mươi bốn năm sau,
Tình cờ đất khách gặp nhau.
Đôi cái đầu bạc,
Nếu chẳng quen lung, đổ có nhìn ra được.
Ôn chuyện cũ mà thôi.
Liếc đưa nhau đi rồi,
Đôi mắt còn có đui**

Về sau này, vào năm 1956, ở ngoài Bắc, một nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi được tự do sáng tác. Tức thì, họ bị chính quyền cộng sản đàn áp. Phan Khôi làm một bài thơ ngắn có ý thách thức, tỏ ra ông là một nhà nho khí phách:

**Làm sao cũng chẳng làm sao,
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi**

Làm chi cũng chẳng làm chi, Dẫu có cái gì cũng chẳng làm sao



Vụ đàn áp này người ta gọi là “Vụ Án Nhân Văn Giai Phẩm”, có nhiều văn nghệ sĩ bị tù hay bị đui ra khỏi thành phố Hà Nội và cấm sáng tác, như Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần...

Nhà thơ thứ ba mà chúng tôi muốn nói tới là Xuân Diệu. Khi những bài thơ đầu tiên của Xuân Diệu xuất hiện trên báo, nhiều người đã tỏ vẻ ngạc nhiên vì tưởng một người ngoại quốc, hay đúng ra là một ông Tây, làm thơ chữ Việt. Trong “**Thi Nhân Việt Nam**”, Hoài Thanh và Hoài Chân đã viết về ông như sau:

“Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam khi Xuân Diệu đến. Người đã đến giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

“Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta.”

(Thi Nhân Việt Nam, trang 102)

Chúng ta thử đọc mấy câu thơ mà tác giả Thi Nhân Việt Nam cho là “y phục tối tân” để hiểu Xuân Diệu:

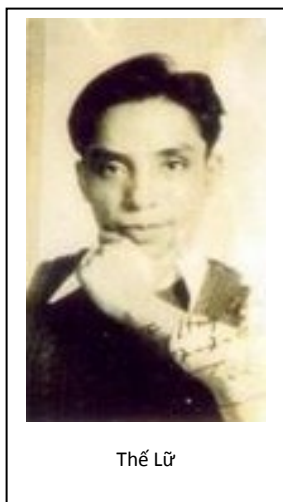
**Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử;
Gâm trong lòng và khi đứng chờ ngáy;
Và nhạc phẩn dưới chân mừng sánh bước;
Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngòi;
Tà áo mới cũng say mùi gió nước;
Rạng mi dài xao động ánh dương vui.**

hoặc :

**Lẫn với đời quay tôi cứ đi
Người ngoài không thấu giữa lòng si.
Cũng như xa quá nên tôi chỉ
Thấy núi yên như một miếng bìa.**

Quả thật, nếu ngày nay bất ngờ được đọc mấy câu thơ trên, nhiều người trong chúng ta cũng ngạc nhiên về cái “tây” của tác giả, nói chi bảy chục năm trước.

Đến đây, chúng tôi xin kết thúc bài “Văn Học Việt Nam Tiền Bán Thế Kỷ 20” với



Thế Lữ

nhà thơ Thế Lữ. Trong thập niên 1930, Thế Lữ là một nhà thơ được người yêu thơ coi là thi sĩ hàng đầu của thơ mới. Nhắc đến ông, người ta nhớ ngay đến những bài thơ nổi tiếng như: Nhớ Rừng, Tiếng Sáo Thiên Thai, Giây Phút Chạnh Lòng... Một số người hời

hỏi cho rằng ông đã viết Nhớ Rừng để tả tâm trạng của vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhưng có nhiều người khác không đồng ý vì cho rằng Bảo Đại chỉ là một ông vua nhu nhược, ham chơi hơn là lo việc nước, việc dân. Người ta không tìm thấy ở ông cái hào khí như:

**Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.**

hoặc:

**Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
Than ôi ! thời oanh liệt nay còn đâu!**

Khi bài “Tiếng Sáo Thiên Thai” ra đời, nhưng người ái mộ Thế Lữ đã coi ông như một người có “tiên cốt”. Người ta cho rằng phải có “cốt” tiên mới làm được những câu thơ như:

**Trời cao xanh ngắt. – Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.
Theo chim tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người Tiên nga.
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vút vèo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không.
Thiên thai thoảng gió mơ màng,
Ngọc chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay.**

Thế Lữ được độc giả ái mộ như vậy, còn nhà phê bình thơ nhận xét ông ra sao, xin mời các bạn đọc Hoài Thanh và Hoài Chân trong “Thi Nhân Việt Nam”:

Độ ấy, thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ như vàng sao đột hiện, ánh sáng chói khắp cả

LỬA GỌI PHONG BA

Đã cháy trang thơ cạn rượu mời
Biển Đông gào thét hận đầy voi
Mòn con mắt ngóng trang hào kiệt
Lửa gọi phong ba dậy bốn trời

Cố quốc chấp chùng xa vạn dặm
Đường về thăm thẳm khuất chân mây
Đêm mơ vó ngựa mùa chinh chiến
Chợt tỉnh nhìn theo cát bụi đầy

Đã rụng ngày xanh héo tuổi vàng
Chết từng thớ thịt, nát tim gan
Người xưa tấu quốc vung trường kiếm
Chém đá hòn sỏi dưới nguyệt tàn

Tóc bạc hững hờ danh lợi hão
Vàng son tiếc nuối thuở xông pha
Một mai sấm sét rền sông núi
Trên đồng tro tàn lại trở hoa...

Hồ Công Tâm

*trời thơ Việt Nam. Đầu sau này danh vọng
Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta
không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ
đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Thế
Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực
thơ mới, không bút chiến, không diễn
thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên
bước những bước vững vàng, mà trong
khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan
vỡ (trang 48).*

Chúng tôi nghĩ rằng khó có lời khen
nào có thể nồng nhiệt hơn lời khen trên.

Vũ Ngọc Phan cũng nhận xét về Thế Lữ
như sau:

***Ông mới là thi sĩ có công đầu trong việc
xây dựng nền thơ mới. Phan Khôi, Lưu
Trọng Lư chỉ là những người làm cho người
ta chú ý đến thơ mới mà thôi, còn Thế Lữ
mới chính là người làm cho người ta tin cậy
ở tương lai của thơ mới.***

(Nhà Văn Hiện Đại, Tập hai, trang 691,
ấn bản 1989)

Nền văn học tiền bán thế kỷ 20 bắt đầu
suy kém từ đầu năm 1945. Trong năm này
có nhiều biến cố trọng đại xảy ra khiến
chuyện văn chương thơ phú bị lu mờ hẳn
đi. Đầu năm là trận đói kinh khủng giết
chết gần hai triệu người dân quê vùng
đồng bằng Bắc Việt. Biến cố thứ hai là cuộc
đảo chính của Nhật ngày 9 tháng 3. Chính
phủ Trần Trọng Kim ra đời. Đến tháng 8,
Việt Minh cướp chính quyền. Từ đó, văn
chương, chữ nghĩa được dùng để tuyên
truyền chống Pháp, ít có tính chất nghệ
thuật hay đúng ra chỉ có kỹ thuật tuyên
truyền với nhiều điều không xác thực. Rồi
cuộc kháng chiến bùng nổ vào ngày 19
tháng 12 năm 1946, văn chương tuyên
truyền được phát triển mạnh mẽ hơn.

Cảm ơn quý vị đã cùng chúng tôi “cưỡi
ngựa xem hoa”. Vườn hoa rộng mênh
mông bát ngát với nhiều kỳ hoa dị thảo mà
chúng ta phải phi nước đại nên đã bỏ sót
nhiều bông hoa quý, chỉ vì thời gian quá eo
hẹp, số trang báo cũng bị hạn chế. Mong
quý vị thông cảm mà lượng thứ cho sự
ông cạn và hơi hợt của bài viết này.

Tạ Quang Khôi (3-2009)

CHÌM DƯỚI BIỂN DÂU

Hoàng Hải Thủy viết:

Mặc Thu. Thơ làm trong ngày tiễn
Trần Dạ Từ sang Hoa Kỳ.
*Người đi bốn biển vui hò hẹn.
Ta ở đây chìm dưới biển dâu.
Thôi.. Người đi nhé, đừng quay lại
Ta khóc đây, người có biết đâu!*

Khi làm bài thơ Tiễn Trần Dạ Từ sang Mỹ, Mặc Thu sống ở Sài Gòn. Khi Trần Dạ Từ và Nhã Ca đi chưa có chuyện HO, chưa có chuyện những sĩ quan, những công chức Việt Nam Cộng Hòa bị bọn Bắc Cộng bắt đi tù được chính phủ Hoa Kỳ đưa sang sống ở Hoa Kỳ. Vài năm sau ông Mặc Thu, có thời là sĩ quan, và gia đình ông đi HO sang Hoa Kỳ. Sống ở Cali, ông đưa tiễn Mai Thảo đến nghĩa trang, rồi vài năm sau nữa ông về sống ở Sài Gòn. Ông qua đời ở Sài Gòn.

Có ba ông văn nghệ sĩ sống ở Hoa Kỳ nhiều năm rồi bỏ Hoa Kỳ trở về sống và chết ở Sài Gòn. Đó là các ông Lê Văn Vũ Bắc Tiến, Mặc Thu Lưu Đức Sinh, Tạ Ty.

Ông Lê Văn Vũ Bắc Tiến làm báo từ những năm 1950 ở Hà Nội. Ông là chồng bà Thu Nhi, nữ diễn viên đoàn Kim Chung. Năm 1954 bà Thu Nhi giải nghệ. Ông Lê Văn đi chui, sang sống ở San Diego, Cali. Khoảng năm 1980 ông bỏ Hoa Kỳ về sống nghèo với vợ con

ông trong căn nhà nhỏ dưới chân cầu Trương Minh Giảng. Ông qua đời ở đó.

Mặc Thu. Thơ làm ở Cali, Hoa Kỳ trong buổi tiễn biệt Mai Thảo.

*Sân ga một đám đứng chờ tàu,
Toàn bạn già xưa biết mặt nhau.
Tàu chật, có người lên được trước.
Chậm chân, kẻ đợi chuyển tàu sau.
Một đi là chẳng quay đầu lại.
Áo trắng trên người đủ kín thân.
Ra đi giống thuở ai vừa đến,
Tàu suốt trăm năm chỉ một lần.
Sân ga thấp thoáng bóng người già
Họ sẵn sàng về cõi thật xa.
Hình như trong đám trông chờ ấy,
Có bạn thân tình, có cả ta.*



Nhà văn MAI THẢO
tại trại tỵ nạn Pulau Besar-Mã Lai
1978

Mời bạn đọc Thơ Nhã Ca làm ở Hoa Kỳ trong Tháng Tư 1999:

Thơ giỗ đầu Nguyễn Sa

*Một mình, một ngựa ra vào
Trường văn, trận bút, trận nào cũng vui.
Nhớ anh, giấy mực bồi hồi,
Lại nghe chữ nghĩa một đời râm ran.
Nén nhang chung cháy đã gần
Câu thơ lục bát, đôi vần tử sinh*

*

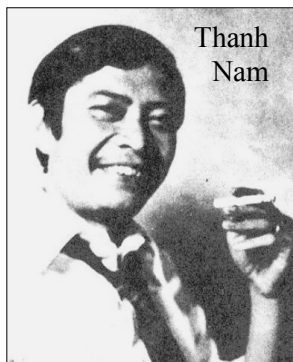


Nguyễn Sa

*Nhớ anh xưa mũ đội đầu
Mũ Tây, mũ Mỹ, mũ Tàu, mũ Ta.
Mũ Tây Độc, mũ Đông Tà
Mũ Ông Thầy, mũ Chủ Ba... cười cười.
Một mình một ngựa.. Ôi thôi..
Bao nhiêu là mũ rụng rời. Anh đi.
Mũ nan, mũ dạ, mũ ni..
Hôm nay Anh đội mũ gì quá quan?*

Hoàng Hải Thủy

Tạ Quang Khôi viết:



Năm 1982, gia đình tôi vượt biên, rồi được định cư ở Mỹ. Vào giữa năm 1984, khi tôi ở Sacramento (CA) thi liên lạc được với Thanh Nam ở

Seattle (WA). Lúc đó ông đã bị ung thư cổ và đã giải phẫu cắt chỗ bị ung thư nên không còn nói được nữa. Khi biết địa chỉ tôi, ông gửi tặng tôi cuốn thơ “Đất Khách” với lời khuyến khích :”Cầm bút lại đi nhé !” “Đất Khách” có hai mươi một (21) bài, bài nào cũng hay và cảm động khi nhắc tới quê hương xa xôi nửa vòng trái đất. Riêng tôi, tôi thích nhất bài “Khúc Ngâm Trên Đất Tạm Dung”.

*Uống say mai sớm bạn lên đường
Thân lại nương nhờ chốn viễn phương
Trăm hận nghìn đau nào sánh nổi
Tấm lòng lưu lạc nhớ quê hương ?
Ta như going bão tan rồi hợp
Trôi dạt còn hơn song đại dương
“Lặn đạn bên trời chung một lửa...”
Say càng chua xót, tình càng thương
Tháng năm xa mãi thời hoa mộng
Râu tóc thêm gần với tuyết sương.*

Đầu tháng 2 năm 1985, Huy Quang Vũ Đức Vinh gọi dây nói báo tin Thanh Nam đã ra đi.

Hệ Lụy

Khi nhà văn Ngọc Cường nhờ giới thiệu cuốn Hệ Lụy của anh, tôi thật ngẩn ngại vì:

- Từ hai năm nay cơ thể tôi không được bình thường, luôn lao đao, loạng choạng.

- Giữa Ngọc Cường với tôi có liên hệ gia tộc. Ngọc Cường là con thứ của ông bác cả, Nguyễn Lân là con thứ của ông thứ tư. Sợ làm diễn giả về Hệ Lụy sẽ không được khách quan, kiêu “mèo khen mèo dài đuôi” chẳng?

Chợt nhớ, thuở nhỏ, mỗi khi về ăn giỗ bên quê nội, bà chúng tôi vẫn dẫn dò con cháu rằng anh chị bảo thì em phải nghe. Thế nên, đành phải gật đầu với Ngọc Cường:

“*Đã lòng dậy đến, dậy thì phải vâng*” (Kiều)

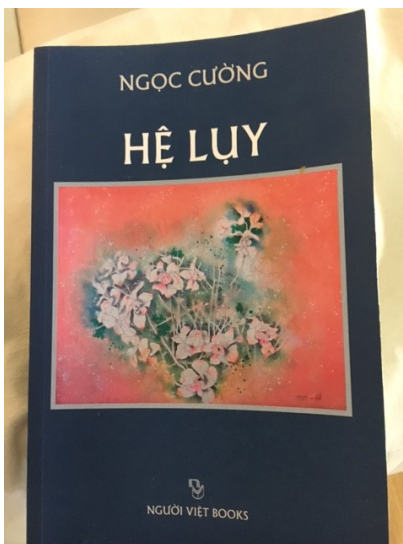
Vả lại, họ hàng cật ruột với nhau người ta còn “*xót tình máu mủ thay lời nước non*” (Kiều) huống hồ chịu đựng nhưc đầu, choáng váng mắt hoa đợc hơn 200 trang giấy rồi nói về ý tưởng của riêng mình thì dù mắt có mờ, mũi có rỉ rỏ nước, tai có nhưc, cổ họng có khan cũng phải nhận lời. Đó chính là **Hệ**

Lụy! Sự liên hệ giữa người với người, với gia đình, với bạn bè, với cộng đồng, với xã hội, với quốc gia dân tộc... Có những liên hệ trên đời dù muốn dù không, mình vẫn phải làm. Đó chính là **Hệ Lụy!**

Đọc Hệ Lụy, tôi cùng ý nghĩ với Ngọc Cường về những liên hệ ở thế gian này. Những liên hệ đó trở thành giàng buộc, mạnh hơn thành trời buộc, ghê hơn thành xiềng xích. Mà đã có xiềng xích thì phải có tù nhân. Vậy thì, chúng ta là tù nhân: tù nhân của quá khứ, tù nhân của hiện tại, tù nhân của tương lai.

Tù nhân của quá khứ? Trong những lúc giao tế, trong câu chuyện đặc thù, chúng ta thường kể lể: ... ngày xưa nhà tôi là một gia đình quý tộc... đã một thời bác tôi là một tay vĩ cầm hái ra tiền... thuở ấy, tôi đã say mê một cô gái đẹp... đẹp lắm... nhưng... điên... Và phải kể tới ngày 30 tháng tư năm 1975 là cái ngày gì không bao giờ chúng ta, những người Việt Nam lưu vong quên được... mãi mãi chúng ta nhớ tới **ngày ấy** với những đau thương khắc sâu trong tâm khảm, trong trí óc kỷ niệm góm ghiếc ấy! **Hệ Lụy với quá khứ!**

Tù nhân của hiện tại? Ngay trong lúc này đây. Khi thừa chuyện cùng quý



vị tôi là một tù nhân, đang bị dằn vặt bởi những ý tưởng, những suy tư của chính mình (để nói sao cho quý vị hiểu, không chán ngán, không buồn ngủ), ...chúng ta còn là tù nhân của dục vọng, của ham muốn tham lam ích kỷ, tính yếu đuối đê hèn ganh tị, sự mặc cảm (dù tự tôn hay tự ti), và ngay cả những sợi dây tình vương mắc... **Hệ lụy trong hiện tại!**

Tù nhân của tương lai? Có phải chúng ta luôn mong ước một ngày mai tươi sáng, cho bản thân, cho con cháu, cho gia tộc, cho tương lai đất nước? Vì khao khát khiến chúng ta lao tâm khổ trí, chúng ta bị gông cùm trong ước vọng như Ngọc Cường trong **Hệ Lụy vì tương lai!**

Hệ Lụy dàn trải suốt trong 10 truyện ngắn của Ngọc Cường. Ngón mấy trang đầu, thú thật tôi chẳng thấy cái gì hấp dẫn. Giật mình, thâm nghĩ “văn dĩ tải đạo”, mình phải đổi cách đọc để tìm ra cái hay trong cuốn sách như văn hào Nhật Linh chỉ dạy trong *Viết Và Đọc Tiểu Thuyết* mới được. Phải giảm tốc độ đọc. Phải từ từ, phải nhẩn nha mới thấy gần tác giả, hiểu tác giả hơn, mới thấy câu chuyện lý thú, hữu ích hơn. Từ mấy trang đầu tẻ nhạt, tôi thẩm dần những suy tư trần trụi của tác giả để tìm trong đồng tro âm ỉ vài tia lửa còn lưu lại lóe lên soi sáng mầm **hạnh phúc thế gian**.

Xin dẫn mấy truyện trong Hệ Lụy:

-Ngày Về: tâm trạng bất an của Lộc, người tù cải tạo. Vừa nhận được tin mừng sắp được tha về lại tiếp ngay

đến tin động trời vợ đã có người khác. Niềm vui cho ngày về vừa đến đã bị dập vùi. Lo âu, hãi sợ, sung sướng, khổ đau cứ pha trộn hòa lẫn với nhau đầy vò Lộc đến tận ngày về - trên toa xe lửa nhìn qua khung cửa sổ xuống sân ga anh bắt gặp “đôi mắt đen láy” của ai đó đang đảo dác kiếm tìm. Đôi mắt đó dừng lại trên gương mặt Lộc ánh lên niềm nhớ thương hạnh phúc. Đôi mắt đó là đôi mắt của người vợ thủy chung. Đó là những sự kiện xảy ra cho nhiều chiến binh VN Cộng Hòa. Đôi mắt đẹp đó là ánh lửa **hạnh phúc** trong Ngày Về.

-Tình Yêu Muôn Thuở: Có hay không tình yêu muôn thuở thật sự hay chỉ là mỹ từ trong sách vở? Có gì là vĩnh viễn với thời gian ngoài sự đổi thay?

Mấy câu thơ tuyệt vời của Xuân Diệu có lý lắm chứ:

*“Tình yêu đến, tình yêu đi ai biết
Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt...”*
vì *“Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn”* mà!

TYMT chỉ là tựa đề dẫn tới định mệnh của con người. Với Ngọc Cường, tất cả không qua được mệnh số. Đây là một truyện ngắn mà dài vì nhiều tình tiết để đưa tới kết luận, muôn sự tại Trời:

*“...Bất phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phân thanh cao”* (Kiều)

Xin nói dang dở để cho độc giả đọc tiếp truyện vì thế nào quý vị cũng có Hệ Lụy trong tay!

-Gia Đình: Rất nhiều chi tiết tỉ mỉ nhưng tôi ngạc nhiên và thích thú vì Ngọc Cường tìm ra chân Hạnh Phúc ở một hành động con con:

... hai vợ chồng luống tuổi dọn dẹp trong bếp. Vợ bảo chồng: *“Ông mang rác ra giùm tôi, nó bốc mùi rồi”*. Tiếng vợ cắt ngang giọng suy nghĩ đang miên man của ông. Kéo bao rác lên, buộc dây cẩn thận rồi xách nó ra thùng rác ở sân sau, vừa làm ông vừa cười một mình và tự nhủ: *Buồn cười nhỉ! Bộ mặt hạnh phúc có ai ngờ là thế này không?”*

Thật khó ngờ một hành động nhỏ nhoi thế mà chính lại là chìa khóa của Hạnh Phúc đã làm thắm đậm tình vợ chồng. Thật sự hạnh phúc đó bắt nguồn từ: *“ông cảm thấy mình may mắn có được người bạn đời suốt bao năm qua, thăng trầm đến độ nhưng luôn tận tụy với chồng con, không một lời than van. Suốt những năm tháng tuyệt vọng nhất của người chiến binh sa cơ như ông, bà vẫn kiên cường vượt bao nguy hiểm thăm nuôi ông, cho ông niềm hi vọng ngày về. Tình yêu như văn chương vẽ vời ca tụng đối với ông sao đẹp bằng những hy sinh kham khổ không tên tuổi, nhưng là châu báu dành cho nhau trong cuộc đời khô héo, từ trái tim ơn nghĩa vợ chồng tràn ngập xót thương không văn thơ nào diễn tả hết.”*

Cùng cảm nghĩ với nhà văn. Muốn giữ cho tình vợ chồng được bền chặt phải có sự đồng thuận, sự cảm thông, sự bao dung, sự hy sinh và nhất là lòng nhân ái. Những điểm này nằm trong Hệ Lụy!

-Quyết Định Cuối: Truyện này thiên về nội tâm. Tác giả kể cuộc đời của nhân vật Thanh, một người xấu trai, vô duyên, âm thanh của tiếng nói như xé màng nhĩ người đối thoại. Thanh học giỏi, chăm chỉ. Ra đời có bằng cấp, có việc làm khá. Nhưng số phận hẩm hiu khiến chàng cô quạnh suốt đời. Không một bóng hồng nào chịu dừng chân. Họ đến để nhờ vả, để lợi dụng rồi rời chàng không chút thương hại. Không chịu nổi sự lẻ loi, Thanh kết thúc cuộc sống trong một nhà trọ xa thành phố với dòng chữ tuyệt mệnh:

“Tôi rất ghét những gì không hoàn chỉnh, thiếu sót hay hư hỏng. Mà cuối cùng tôi thấy tôi chỉ là một kẻ như vậy”.

Ngọc Cường mơ tới một thế giới an lành trong đó không có ai là nạn nhân của ai, không có bị người khác lừa dối hay phụ phàng, không có ai dè bieu, ché bai coi rẻ người khác vì ngoại hình, vì khuyết tật... vv...”

Một ý nghĩ giản dị mà sao đẹp đến thế? Nếu ai cũng ước ao và thực thi như vậy thì quả thật thế gian thanh bình, sung sướng quá. Còn có hệ lụy nữa hay không?

-Căn Nhà Ở Jaux: Ai thích cảnh đẹp ở Âu Châu xin mời đọc chuyện này. Làng Jaux, một thị trấn nhỏ ở miền nam nước Pháp, một cảnh đẹp thơ mộng với những mái nhà đỏ và những bức tường phủ kín dây leo lâu ngày đã thành màu bò quân được bao vây bởi những mảnh vườn cỏ non và những tàng cây đậm xanh màu Bích Ngọc như để che bớt ánh

nắng chói chang của mặt trời . Ai chịu ảnh hưởng văn hoá Tây phương xin mời đọc chuyện này để thích thú nhâm nhi ly cà phê đặc biệt của địa phương trong những quán cóc nhỏ nhỏ tại làng Jaux.

Căn nhà ở Jaux – nơi anh chị em nhà văn Ngọc Cường gặp gỡ hằng năm để ôn lại những kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu. Tôi nhận ra ngay những ông anh bà chị của mình dù Ngọc Cường đã gán cho họ những tên khác. Người nào cũng đẹp như lai kể cả Ngọc Cường - đương lãng xãng không chịu ngồi yên- quý vị thấy đấy! Vậy mà tâm tính họ lại mộc mạc, thành thật.

Và đây là **đoạn kết của Nguyễn Lân về Hệ Lụy**: Ngọc Cường không có lối viết chau chuốt, thơ mộng, quyền rũ với âm điệu nhịp nhàng trầm bổng. Ngọc Cường không có lối viết dí dỏm, nghịch ngợm hay xun xoe tán tỉnh. Ngọc Cường cũng không có lối viết xấn xồ, ngổ ngáo hay xác xược, cao ngạo hay điều cột, châm biếm. Không! Văn Ngọc Cường hiền lành, rõ ràng, đơn sơ, không cầu kỳ, không hoa mỹ, không sáng tạo những từ ngữ lập dị khó hiểu hay bày tỏ những ý tưởng siêu thực gach trí khôn độc giả.

Ngọc Cường nghĩ sao nói vậy, nói sao viết vậy. Văn là người. Thật đúng với nhà văn của Hệ Lụy. Hệ Lụy thật giản dị dễ thương như người viết nó mặc dầu trong thâm tâm nhà văn đầy những suy tư trăn trở. Ngọc Cường có tâm hồn sâu đậm.



Bất hạnh mà không bao giờ anh quên được là những năm tháng trong ngục tù Cộng Sản suốt từ nam ra bắc sau ngày Ba Mươi Tháng Tư đen.

Hạnh Phúc mà không bao giờ rời xa nhà văn là đôi mắt đen láy của ai đó rải rác nhiều trong Hệ Lụy – đôi mắt của người vợ hiền dù xa xôi cách trở vẫn tồn tại trong tâm trí anh. Đôi mắt ấy kề cận bên anh mang lại nguồn vui chan hòa dưới ánh mặt trời. Thay mặt nhà văn, tôi xin đọc câu thơ này để tặng “đôi mắt ấy”

“đôi mắt đẹp từng ánh sao tắt lịm”
(Nguyễn Sa)

Hệ Lụy mang lại cho người đọc tâm hồn thanh thản, nhẹ nhàng, tươi trẻ làm thắm hồng cuộc đời như nhà văn đang sống.

Xin chân thành giới thiệu cùng quý vị tập Hệ Lụy của nhà văn Ngọc Cường và ước mong khi ra về mỗi người **ôm một Hệ Lụy trong tay.**

Thêm một lần xin muôn vàn cảm tạ.
NGUYỄN LÂN (6/2017)